



ĐỊA CHỈ:
K4/79C, ĐƯỜNG NGUYỄN TRI PHƯƠNG, KHU PHỐ 3, P. BỬU HÒA,
TP. BIÊN HÒA, ĐỒNG NAI



SỐ ĐIỆN THOẠI:
(0251) 3859358



SỐ FAX:
(0251) 3859917



WEBSITE
www.bbcc.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HOÀ



BBCC



2021

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN**



MỤC LỤC

1

Trang 08

THÔNG TIN CHUNG

2

Trang 26

**TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG
TRONG NĂM 2021**

3

Trang 50

**BÁO CÁO CỦA
BAN GIÁM ĐỐC**

4

Trang 64

**ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

5

Trang 70

QUẢN TRỊ CÔNG TY

6

Trang 80

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
KIỂM TOÁN NĂM 2021**

1 | THÔNG TIN CHUNG

Thông tin khái quát về Công ty

Quá trình hình thành và phát triển

Mô hình quản trị, bộ máy quản lý

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Định hướng phát triển

Các rủi ro





THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tên giao dịch	CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HOÀ
Tên viết tắt	BBCC
Tên Tiếng Anh	BIEN HOA BUILDING MATERIALS PRODUCTION AND CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
Mã cổ phiếu	VLB
Vốn điều lệ	470.000.000.000 đồng
Trụ sở chính	K4/79C, Nguyễn Tri Phương, KP 3, P. Bửu Hòa, TP Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
Giấy chứng nhận ĐKDN	số 3600275107 đăng ký thay đổi lần thứ 12 ngày 02/08/2021 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp (cấp lần đầu ngày 30/06/2005).
Điện thoại	(0251) 3859358
Fax	(0251) 3859917
Email	congybbcc@gmail.com
Website	www.bbcc.com.vn





QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH & PHÁT TRIỂN

1983

Ngày 03/12/1983, Xí nghiệp khai thác đất Biên Hòa được thành lập theo Quyết định số 18/QĐ.UB của UBND Thành phố Biên Hòa.

1988

Ngày 01/04/1988, Xí nghiệp sản xuất VLXD Biên Hòa được thành lập trên cơ sở hợp nhất 3 xí nghiệp: Xí nghiệp khai thác đất Biên Hòa, Xí nghiệp khai thác đá Tân Thành và Xí nghiệp khai thác cát thành phố Biên Hòa theo Quyết định số 397/QĐ-UBTP ngày 10/3/1988 của UBND thành phố Biên Hòa.

1991

Ngày 12/03/1991, sáp nhập Xí nghiệp quốc doanh gạch ngói vào Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 282/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

1992

Ngày 19/12/1992, thành lập doanh nghiệp Nhà nước Xí nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa thuộc tỉnh Đồng Nai theo quyết định số 2304/QĐ-UBT của UBND tỉnh Đồng Nai.

1996

Ngày 12/11/1996, Xí nghiệp sản xuất VLXD Biên Hòa đổi tên thành Công ty Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo Quyết định số 5425/QĐ.UBT của UBND tỉnh Đồng Nai. Ngày 26/12/1996, thành lập các Xí nghiệp trực thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo Quyết định số 412/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

1997

Ngày 13/09/1997, thành lập Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng trực thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 505/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

1998

Ngày 29/06/1998, thành lập Trung tâm Dịch vụ Xây dựng và Vật liệu xây dựng Biên Hòa thuộc Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 242/QĐ.UBTP của UBND thành phố Biên Hòa.

2003

Ngày 01/10/2003, sáp nhập Xí nghiệp Khai thác - Chế biến Tân Bản vào Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 3480/QĐ.CT.UBT ngày 26/09/2003 của UBND tỉnh Đồng Nai.

2004

Ngày 01/10/2004, sáp nhập Xí nghiệp Khai thác đá Thiện Tân vào Công ty Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 3386/QĐ.CT.UBT ngày 27/07/2004 của UBND tỉnh Đồng Nai.

2005

- Ngày 05/05/2005, Công ty Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa theo Quyết định số 1724/QĐ.CT.UBT của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai.
- Ngày 07/07/2005, UBND tỉnh Đồng Nai chuyển giao quyền sở hữu vốn Nhà nước của Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa cho Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai theo Quyết định số 2484/QĐ-UBND.

2006

Ngày 29/06/2006, sáp nhập Công ty TNHH MTV Khai thác đá Đồng Nai thành đơn vị hạch toán phụ thuộc Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa theo Quyết định số 138/QĐ-HĐQT của Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.

2015

Ngày 01/11/2015, Công ty TNHH MTV Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa đổi tên thành Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa.

2016

- Ngày 19/02/2016, Công ty được UBCKNN công nhận đủ điều kiện là công ty đại chúng.
- Ngày 17/06/2016, Công ty được Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam cấp giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán số 59/2016/GCNCNP-VSD với số lượng đăng ký là 45.000.000 cổ phiếu.
- Ngày 22/09/2016, Cổ phiếu Công ty được chính thức giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (Upcom) với mã chứng khoán là VLB.

2018

Ngày 06/04/2018, Công ty được Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam cấp Giấy chứng nhận đăng ký chứng khoán thay đổi lần thứ 01 số 59/2016/GCNCNPVSD-1 với số lượng chứng khoán bổ sung: 2.000.000 cổ phiếu, tổng số lượng chứng khoán đăng ký lên 47.000.000 cổ phiếu.

2019

Ngày 29/01/2019, Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai đã chào bán thành công 8.647.000 cổ phiếu VLB (tương ứng 18,397% vốn điều lệ) thông qua phương thức giao dịch khớp lệnh trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giảm tỷ lệ nắm giữ xuống còn 49% vốn điều lệ VLB.

2020

Trong năm 2020, công ty đăng ký điều chỉnh và bổ sung ngành nghề kinh doanh để hoàn thiện hồ sơ cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng 2 và làm thủ tục đăng ký cấp chứng chỉ năng lực hoạt động xây dựng hạng 1.

CÁC GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU



- Huân chương Lao động Hạng Ba năm 1988
- Huân chương Lao động Hạng Nhì năm 1991
- Huân chương Lao động Hạng Nhất năm 1996
- Giải Bạc “Giải thưởng Chất lượng Việt Nam” năm 1997 và năm 1998 do Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường trao tặng
- Giải Vàng “Giải thưởng Chất lượng Việt Nam” năm 1999 do Bộ Khoa học - Công nghệ - Môi trường trao tặng
- Danh hiệu Anh Hùng Lao Động do Chủ tịch nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam phong tặng theo Quyết định số 287/KT/CTN, ngày 14/07/2000
- Cờ thi đua của Chính Phủ trao tặng năm 2000
- Cờ thi đua của Chính Phủ trao tặng năm 2002, 2003, 2004
- Danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc” tỉnh Đồng Nai năm 2006, 2010



- Huân chương Độc lập Hạng Ba do Chủ tịch nước trao tặng theo Quyết định số 165/QĐ/CTN, ngày 13/2/2012
- Cờ thi đua của UBND tỉnh Đồng Nai trao tặng năm 2015, 2016, 2017, 2018
- Danh hiệu “Doanh nghiệp xuất sắc” tỉnh Đồng Nai năm 2016, 2019
- UBND tỉnh Đồng Nai tặng bằng khen điển hình tiên tiến đã có thành tích tiêu biểu xuất sắc trong phong trào thi đua yêu nước 05 năm giai đoạn 2015 – 2019 theo Quyết định số 3861/QĐ-UBND ngày 21/10/2020
- UBND tỉnh Đồng Nai tặng bằng khen cho Công ty Cổ phần XD và SXVLXD Biên Hòa đã có thành tích xuất sắc trong công tác an toàn, vệ sinh lao động năm 2020 theo Quyết định số 1382/QĐ-UBND ngày 27/4/2021.
- UBND tỉnh Đồng Nai tặng bằng khen cho Công ty Cổ phần XD và SXVLXD Biên Hòa đã có thành tích xuất sắc trong công tác phòng, chống dịch COVID-19 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai theo Quyết định Số 5174/QĐ-UBND ngày 22/12/2021.



NGÀNH NGHỀ & ĐỊA BÀN KINH DOANH

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy (không hoạt động bến thủy nội địa tại trụ sở) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Đại lý vật liệu xây dựng;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khai khoáng, xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở);
- Sản xuất máy sản xuất vật liệu xây dựng (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Kinh doanh bất động sản và dịch vụ cho thuê văn phòng, trung tâm thương mại (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật và thực hiện theo Điều 11 Luật Kinh doanh bất động sản Số 66/2014/QH13 ngày 25/11/2014);
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét (chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền cấp phép khai thác mỏ và đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng và thạch cao (không sản xuất tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
- Xây dựng nhà để ở;
- Xây dựng nhà không để ở;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật);
- Bốc xếp hàng hóa (trừ hoạt động bến thủy nội địa) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Cho thuê xe cơ giới, xe bồn nước (kèm người điều khiển) (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật);
- Kinh doanh khu du lịch sinh thái (không hoạt động tại trụ sở, chỉ hoạt động khi cơ quan có thẩm quyền chấp thuận về địa điểm và có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật);
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (không chứa vật liệu xây dựng tại trụ sở);
- Xây dựng công trình đường bộ;
- Xây dựng công trình đường sắt;
- Xây dựng công trình điện;
- Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
- Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc;
- Xây dựng công trình công ích khác;
- Xây dựng công trình thủy;

- Xây dựng công trình khai khoáng;
- Xây dựng công trình chế biến, chế tạo;
- Phá dỡ;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Lắp đặt hệ thống điện (trừ xi mai, gia công cơ khí);
- Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí (trừ xi mai, gia công cơ khí); Lắp đặt hệ thống xây dựng khác (trừ xi mai, gia công cơ khí);
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (chỉ hoạt động khi có đủ điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật).

Một số sản phẩm



Đá 0x4



Đá 1x2



Đá 4x6



Gạch ngói



Gạch men



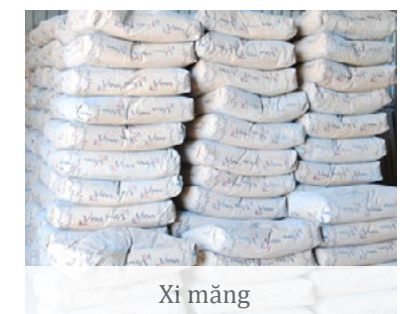
Cát xây dựng



Bồn chứa nước



Sắt



Xi măng

ĐỊA BÀN KINH DOANH

Thị trường tiêu thụ sản phẩm của BBCC trải dài chủ yếu từ tỉnh Bình Thuận đến tỉnh Cà Mau, trong đó thị trường trọng điểm là các tỉnh Đồng Nai, Bình Dương, Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh Miền Tây Nam bộ,...



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

Bộ máy quản trị Công ty



Công ty hoạt động với mô hình công ty cổ phần, mô hình quản trị của Công ty tổ chức theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty:

Đại hội đồng cổ đông: Bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty.

Hội đồng quản trị: Là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Giám đốc: Là cơ quan điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

Ban kiểm soát: Thực hiện nhiệm vụ thay mặt cho cổ đông kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, hoạt động quản trị và điều hành của Công ty.

Công ty con, Công ty liên kết: Không có.



Với thương hiệu, năng lực quản lý được BBCC xây dựng từ những ngày đầu thành lập, hiện nay Công ty đang quản lý và khai thác 05 mỏ đá có trữ lượng lớn và chất lượng tốt trên địa bàn tỉnh Đồng Nai, cụ thể như sau:

Tên mỏ	Diện tích cấp phép mở moong khai thác	Thời hạn hoạt động theo Giấy phép khai thác (tính từ 1/1/2014)		Công suất hoạt động	Trữ lượng nguyên khối còn lại(*)	Thời gian khai thác còn lại(*)	Diện tích đất đã đền bù trong giấy phép khai thác	Diện tích đã thuê đất trong khu vực khai thác	Diện tích đất còn lại chưa đền bù
		Số năm	Đến tháng/năm						
	m ²	năm		m ³ /năm	m ³	năm	m ²	m ²	m ²
Mỏ đá Tân Cang 1	629.000	25	12/2039	1.500.000	27.193.051	18,0	594.626	532.035	34.374,0
GP số 661/GP-UBND ngày 28/2/2018									
Mỏ đá Thạnh Phú 1	837.000	28,7	7/2042	1.800.000	39.205.940	20,7	749.248,4	528.438	87.751,6
GP số 1048/GP-UBND ngày 11/4/2016									
Mỏ đá Thiện Tân 2	650.000	24,5	6/2038	1.500.000	26.136.492	17,5	631.854	630.077	18.146,4
GP số 1362/GP-UBND ngày 28/5/2015									
Mỏ đá Soklu 2	178.300	12,1	1/2026	400.000	3.041.148	4,0	173.036,5	173.036,5	5.263,5
GP số 1523/GP-UBND ngày 11/5/2017									
Mỏ đá Soklu 5	294.000	11,5	6/2025	500.000	2.563.542	3,5	265.633,2	244.729	28.366,8
GP số 177/GP-UBND ngày 7/7/2020									
Tổng cộng	2.588.300			5.700.000	98.140.173		2.414.398	2.108.316	173.902
Quy đổi sang đá nguyên liệu	-	-	-	-	144.756.755	-	-	-	-
Sản phẩm	-	-	-	-	130.281.080	-	-	-	-

(*): Số liệu tính tại ngày 31/12/2021

Ghi chú: Mỏ đá Tân Cang 1 được cấp phép diện tích hoạt động khoáng sản là 107,2ha trong đó khu vực được phép thiết kế mở moong khai thác là 62,9ha. Diện tích chưa thiết kế là 44,3ha trong đó Công ty đã đền bù được 40,2ha còn lại 4,1ha chưa đền bù.

Xí nghiệp khai thác đá

- Là đơn vị phụ thuộc, hạch toán báo sổ, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm đá, đất tại mỏ đá Thạnh Phú 1, mỏ đá Thiện Tân 2
- Văn phòng giao dịch: xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.360.0002
- Fax: 0251.396.6424
- Các mỏ đá:
 - Công trường khai thác đá Thạnh Phú - Địa chỉ: xã Thạnh Phú và xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai - Điện thoại: 0251.360.0002
 - Bến thủy nội địa Thạnh Phú - Điện thoại: 0251.861.5979
 - Công trường khai thác đá Thiện Tân - Địa chỉ: xã Thiện Tân, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai - Điện thoại: 0251.656.9259
 - Bến thủy nội địa Thiện Tân - Điện thoại: 0251.360.1619
- Sản phẩm đá: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x7, đá 0x4, đá mi Ngoài ra, Công ty còn nhận đơn đặt hàng sản xuất với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm đất: Đất san lấp, đất sỏi, đất gạch các loại,....

Xí nghiệp khai thác đá Tân Cang

- Là đơn vị phụ thuộc, hạch toán báo sổ, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm đá, đất tại mỏ đá Tân Cang 1.
- Văn phòng giao dịch: ấp Tân Mỹ, phường Bửu Hòa, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.3850251
- Fax: 0251.3850251
- Các mỏ đá:
 - Công trường khai thác đá Tân Cang - Địa chỉ: ấp Tân Cang, xã Phước Tân, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai - Điện thoại: 0251.8838056
- Sản phẩm đá: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x7, đá 0x4, đá mi Ngoài ra, Công ty còn nhận đơn đặt hàng sản xuất với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm đất: Đất san lấp, đất sỏi, đất gạch các loại,....

Xí nghiệp khai thác đá Soklu

- Là đơn vị phụ thuộc, hạch toán báo sổ, có chức năng, nhiệm vụ tổ chức các hoạt động khai thác, chế biến, kinh doanh sản phẩm đá, đất tại mỏ đá Soklu 2 và mỏ Soklu 5.
- Văn phòng giao dịch: ấp Nguyễn Huệ, xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, Đồng Nai.
- Điện thoại: 0251.377.5223
- Fax: 0251.377.5224
- Các mỏ đá:
 - Công trường khai thác đá Soklu 2 - Địa chỉ: xã Quang Trung và xã Gia Khiêm, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
 - Công trường khai thác đá Soklu 5 - Địa chỉ: xã Quang Trung, huyện Thống Nhất, tỉnh Đồng Nai.
- Sản phẩm đá: Đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá 5x7, đá 0x4, đá mi Ngoài ra, Công ty còn nhận đơn đặt hàng sản xuất với quy cách tùy theo yêu cầu của khách hàng.
- Sản phẩm đất: Đất san lấp, đất sỏi, đất gạch các loại,....





ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Các mục tiêu chủ yếu

Đối với hoạt động sản xuất

- Công ty Cổ phần xây dựng và sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hoà luôn định hướng phát triển trở thành Công ty chuyên nghiệp, uy tín, chất lượng trong sản xuất vật liệu xây dựng.
- Công ty tiếp tục đẩy mạnh hoạt động sản xuất, kinh doanh mặt hàng chủ lực là sản phẩm đá xây dựng trên cơ sở phát huy tối đa lợi thế hiện có. Bên cạnh đó, Công ty tiếp tục công tác tìm kiếm, khảo sát và thăm dò các mỏ đá trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và thực hiện việc nghiên cứu sản xuất sản phẩm mới như: cát nhân tạo từ đá, gạch nhẹ, sỏi nhẹ keramzit phục vụ nhu cầu thị trường.

Đối với nhân sự

- Đổi mới để phát triển, nâng cao năng lực quản trị, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đóng góp vào công cuộc đổi mới của địa phương, đồng thời đem lại việc làm, tạo thu nhập, phúc lợi cho người lao động.
- Hoạch định nguồn nhân lực Công ty: đào tạo theo chiều sâu và có chọn lọc đối với cán bộ công nhân viên Công ty để đảm bảo tính kế thừa, phát triển ổn định và bền vững.
- Chú trọng đào tạo, cập nhật kiến thức mới, các ứng dụng khoa học công nghệ tiên tiến để chuẩn hóa cũng như nâng cao chất lượng lao động. Tạo điều kiện, cơ hội cho người lao động phát huy kinh nghiệm, sở trường, năng lực chuyên môn; gắn với thực hiện tốt các chính sách về tiền lương, thưởng, đãi ngộ, phúc lợi để khích lệ người lao động tăng cường đóng góp và gắn bó lâu dài với Công ty.

Đối với môi trường và xã hội

- Luôn đảm bảo công tác bảo vệ môi trường, an toàn lao động, phòng chống cháy nổ tại các xí nghiệp và đơn vị trực thuộc, tuân thủ quy tắc an toàn tuyệt đối trong hoạt động sản xuất, thi công. Kiểm tra định kỳ các máy móc thiết bị sản xuất, thi công, phương tiện vận tải, phân loại chất thải theo đúng quy định.
- Tuân thủ đầy đủ các quy định về quan trắc môi trường định kỳ; thực hiện việc xử lý chất thải theo quy định, xử lý bụi, tiếng ồn, chấn động, đá văng,... bằng cách lắp đặt hệ thống phun sương chống bụi, trồng cây xanh các khu vực khai thác, chế biến, áp dụng các kỹ thuật nổ mìn hiện đại, lắp đặt hệ thống phun xịt rửa xe,...



Chiến lược trung và dài hạn

- Duy trì thương hiệu của Công ty trên thị trường sản xuất vật liệu xây dựng thông qua việc đảm bảo uy tín và chất lượng sản phẩm, đặc biệt trong giai đoạn phát triển sản phẩm mới thông qua các công nghệ tiên tiến để tăng sản lượng, quy mô, đảm bảo các dự án đầu tư có hiệu quả trong tương lai.
- Phát triển đa dạng hóa các sản phẩm, dịch vụ với giá cả cạnh tranh, hợp lý, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của khách hàng, tối đa hóa lợi nhuận và mang lại lợi ích thiết thực cho các cổ đông.
- Nâng cao năng lực tài chính để đảm bảo nền tảng tài chính vững mạnh, chủ động về nguồn vốn đầu tư để hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.



Các mục tiêu phát triển bền vững

- Nhận thức được việc muốn phát triển bền vững thì doanh nghiệp phải tuân thủ các quy định của pháp luật không những về hoạt động sản xuất kinh doanh mà phải đảm bảo quyền lợi cho người lao động, bảo vệ môi trường, vì vậy Công ty luôn cố gắng không ngừng để mở rộng mạng lưới tiêu thụ, nỗ lực tạo ra những sản phẩm có chất lượng tốt nhất, đáp ứng và vượt lên sự mong đợi của khách hàng, cải thiện các chính sách cho người lao động, đảm bảo thu nhập, nâng cao trình độ nhân sự, phát triển nguồn nhân lực và chú trọng công tác bảo vệ môi trường.
- Công ty tập trung xây dựng hệ thống quản trị Công ty theo hướng tinh gọn, hiệu quả để phát huy tối đa các nguồn lực là thế mạnh của Công ty, cũng như có khả năng khai thác và tận dụng tốt các cơ hội của thị trường trong từng giai đoạn cụ thể, qua đó duy trì mức tăng trưởng doanh thu và lợi nhuận ổn định hàng năm.
- Nêu cao tinh thần của toàn thể cán bộ công nhân viên (CBCNV) Công ty về trách nhiệm đối với cộng đồng, xã hội thông qua việc chấp hành, tuân thủ các quy định của pháp luật về khai thác khoáng sản, bảo vệ môi trường, tiết kiệm tài nguyên. Công ty thực hiện vận động CBCNV tích cực tham gia các hoạt động nhân văn, từ thiện, tình nguyện vì cuộc sống cộng đồng xung quanh.
- Trích Quỹ phúc lợi để tặng quà Tết cho các hộ gia đình, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, trẻ khuyết tật, cơ sở nuôi dạy trẻ mồ côi trên các địa bàn Công ty đóng chân. Hỗ trợ và đóng góp vào một số công trình cơ bản của địa phương...





CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Rủi ro kinh tế

Trong năm 2021, dịch Covid-19 ảnh hưởng tiêu cực đến kinh tế Việt Nam. Đặc biệt, đợt dịch kéo dài từ tháng 7 đến nay khiến nhiều địa phương phải thực hiện giãn cách xã hội trong thời gian dài đã làm ảnh hưởng đến kết quả tăng trưởng kinh tế (GDP) của cả nước. Theo đó, GDP quý III/2021 giảm 6,17% so với cùng kỳ năm trước là mức giảm sâu nhất kể từ khi chỉ số này được tính và công bố tại Việt Nam. Chịu ảnh hưởng chung với nền kinh tế trong nước, mức suy giảm ở khu vực công nghiệp và xây dựng, khu vực dịch vụ lần lượt là 5,02% và 9,28%.

Để thực hiện mục tiêu kép, vừa thực hiện hiệu quả phòng chống dịch Covid-19 vừa khôi phục nền kinh tế, Chính phủ đã đẩy mạnh giải ngân vốn đầu tư công để thúc đẩy tăng trưởng GDP. Đây là một cơ hội tốt cho các doanh nghiệp trong ngành sản xuất vật liệu xây dựng nói chung và Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hòa nói riêng tăng tiêu thụ sản phẩm. Năm 2021, Bộ Xây dựng được Chính phủ giao kế hoạch giải ngân vốn đầu tư công từ nguồn ngân sách Nhà nước là 671,24 tỷ đồng. Giá trị lũy kế giải ngân vốn đầu tư công đã được phân bổ từ 1/1- 15/12/2021 là 193,601 tỷ đồng, đạt 28,8% kế hoạch năm 2021. Tỷ lệ này tính đến nay là tương đối thấp và Chính phủ dự kiến sẽ tăng mạnh giải ngân vốn đầu tư công trong thời gian tới.

Những thay đổi của nền kinh tế trong bối cảnh tình hình dịch Covid-19 diễn biến phức tạp luôn tác động đến hoạt động sản xuất kinh doanh các doanh nghiệp. Vì vậy, BBCC luôn quan tâm đến những chính sách, biến động của nền kinh tế trong và ngoài nước nhằm đưa ra những định hướng phát triển phù hợp.

Rủi ro cạnh tranh

Có thể thấy rằng sự phục hồi của thị trường bất động sản và những dự án công trình giao thông hạ tầng liên tiếp được triển khai đầu tư trong thời gian tới là yếu tố hỗ trợ doanh nghiệp trong ngành đá xây dựng. Bên cạnh đó, sự tăng trưởng của ngành đá xây dựng nằm ở trữ lượng và thời hạn khai thác các mỏ đá. Các doanh nghiệp đều đang xin giấy phép khai thác các mỏ mới và hoặc xin gia hạn hoặc mở rộng các mỏ hiện tại. Từ đó có thể thấy rằng tính cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong ngành đá xây dựng là rất cao. Để đối mặt với sự cạnh tranh từ nhiều phía đó, BBCC luôn chú trọng làm mới các chiến lược kinh doanh của mình, chú trọng nâng cao chiến lược sản xuất và cung ứng dịch vụ, từng bước khẳng định vị thế của mình so với các doanh nghiệp khác trong ngành.

Rủi ro giá nguyên vật liệu

Các sản phẩm khoáng sản Công ty trực tiếp khai thác chịu tác động từ chính sách quản lý khai thác khoáng sản và môi trường của Chính Phủ, đặc biệt các loại thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường, tiền thuê đất, tiền cấp quyền khai thác khoáng sản... luôn theo chiều hướng tăng đã tạo áp lực cho Ban lãnh đạo Công ty trong việc xây dựng chính sách khai thác phù hợp, hiệu quả.

Đối với một doanh nghiệp hoạt động sản xuất VLXD như BBCC thì việc chú ý đến biến động nguồn nguyên liệu đầu vào là rất quan trọng để có thể duy trì các kế hoạch sản xuất và hạn chế ảnh hưởng đến giá vốn cũng như kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

Rủi ro môi trường

Hầu hết các mỏ đá của Công ty đều lộ thiên, do đó những thay đổi của thời tiết sẽ ảnh hưởng rất lớn đến việc khai thác mỏ, độ an toàn và sản lượng khai thác của doanh nghiệp. Khoáng sản là tài nguyên không tái tạo và có trữ lượng hạn chế. Việc khai thác có thể gây ảnh hưởng lớn đến môi trường sống của người dân xung quanh khu vực và môi trường tự nhiên. Vì vậy trong quá trình khai thác và chế biến đá, Công ty luôn tuân thủ các chính sách, quy định về bảo vệ môi trường, lựa chọn công nghệ tiên tiến đồng thời không ngừng cải tiến máy móc, quy trình khai thác để hạn chế tác động đến môi trường.

Rủi ro chính sách

Hoạt động kinh doanh chính của BBCC liên quan đến các giấy phép khai thác mỏ đá và thời hạn khai thác nên Công ty sẽ phải đối mặt với những ảnh hưởng trực tiếp từ những chính sách, quy định của nhà nước về xây dựng, khai thác khoáng sản, tài nguyên đất đai.

Vì vậy, Công ty cần theo dõi cập nhật các quy định mới, xử lý kịp thời, dứt điểm các vấn đề phát sinh khi các văn bản pháp luật mới được ban hành, đảm bảo quá trình vận hành liên tục của Công ty, tiêu biểu là Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 ban hành vào 26/11/2019 và Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được ban hành vào 17/06/2020 cùng có hiệu lực từ 1/1/2021. Việc xây dựng một hành lang pháp lý ngày càng chặt chẽ và khoa học cũng sẽ giúp Công ty hoạt động một cách hiệu quả, đảm bảo giảm thiểu rủi ro về mặt quản trị.

Rủi ro khác

Bên cạnh các rủi ro nêu trên, Công ty còn phải đối mặt với các rủi ro khác từ môi trường, yếu tố bên ngoài (bão, lũ lụt, hạn hán, dịch bệnh Covid-19), sự cố trong quá trình vận hành, rủi ro về quản lý khai thác tài sản,.. Đây là những rủi ro không thể loại trừ nhưng có thể phòng ngừa và hạn chế tác động bằng các biện pháp như: chủ động phòng chống dịch bệnh, mua bảo hiểm tài sản, bảo hiểm cho nhân viên, nâng cao nhận thức của nhân viên về đảm bảo an toàn trong lao động nhằm giảm thiểu tối đa những ảnh hưởng đối với hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.





2| Tình hình Hoạt động trong năm

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

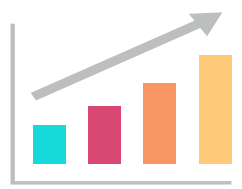
Tổ chức và nhân sự

Tình hình đầu tư thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư chủ sở hữu

Báo cáo Phát triển bền vững

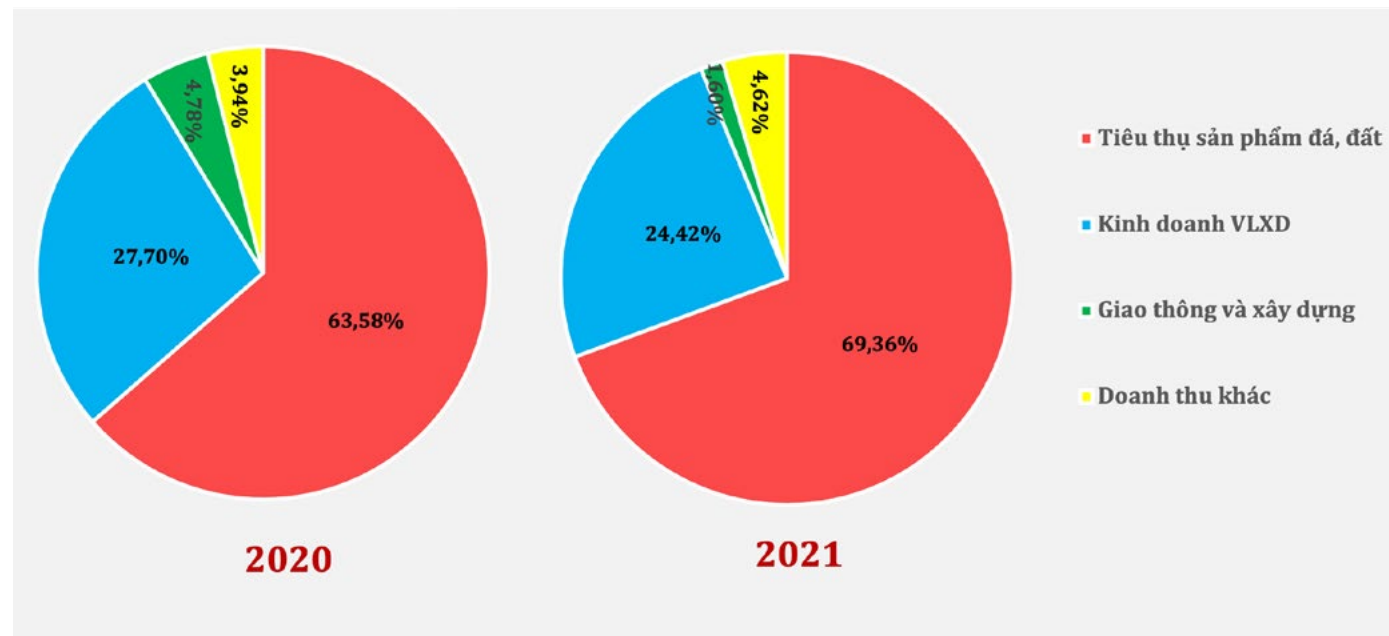


TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Cơ cấu doanh thu

ĐVT: triệu đồng

Cơ cấu doanh thu	Năm 2020		Năm 2021		% Tăng/giảm 2021-2020
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tiêu thụ sản phẩm đá, đất	705.801	63,58%	653.385	69,36%	-7,43%
Kinh doanh VLXD	307.523	27,70%	230.027	24,42%	-25,20%
Giao thông và xây dựng	53.062	4,78%	15.024	1,60%	-71,69%
Doanh thu hoạt động khác	43.771	3,94%	43.516	4,62%	-0,58%
Tổng cộng	1.110.157	100%	941.952	100%	-15,15%



Trong năm 2021, tổng doanh thu thuần của Công ty đạt xấp xỉ 942 tỷ đồng, giảm 15,15% so với năm 2020. Trong đó, doanh thu từ bán đất, đá năm 2021 ghi nhận 653,385 tỷ đồng, giảm 7,43% so với năm trước nhưng tăng trưởng xấp xỉ 6% trong đóng góp tổng doanh thu (69,36%). Ở mảng doanh thu Giao thông, xây dựng và doanh thu từ kinh doanh VLXD của BBCC cũng ghi nhận sự sụt giảm khi doanh số năm 2021 ghi nhận mức giảm lần lượt 71,69% và 25,2% so với năm 2020. Các mảng hoạt động chính của Công ty bao gồm khai thác đá, kinh doanh VLXD, có sự sụt giảm so với năm trước là vì nhu cầu của thị trường giảm sút, các hoạt động xây dựng bị gián đoạn. Nguyên nhân là do các địa phương phía Nam thực hiện giãn cách xã hội để phòng chống dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh trong quý III/2021, trong đó, Thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai và Long An là những tỉnh, thành phố chịu ảnh hưởng nghiêm trọng nhất.

Cơ cấu giá vốn hàng bán

ĐVT: triệu đồng

Cơ cấu giá vốn hàng bán	Năm 2020		Năm 2021		% Tăng/giảm 2021-2020
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)	
Tiêu thụ sản phẩm đá, đất	481.115	58,83%	451.829	64,84%	-6,09%
Kinh doanh VLXD	246.033	30,09%	189.229	27,15%	-23,09%
Giao thông và xây dựng	48.327	5,91%	13.834	1,99%	-71,37%
Hoạt động khác	42.254	5,17%	41.989	6,02%	-0,63%
Tổng cộng	817.729	100%	696.881	100%	-14,78%

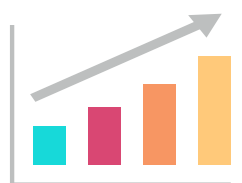
Cơ cấu lợi nhuận gộp

ĐVT: triệu đồng

Cơ cấu Lợi nhuận gộp	Năm 2020		Năm 2021		% Tăng/giảm 2021-2020
	Giá trị	Tỷ trọng so với Doanh thu thuần (%)	Giá trị	Tỷ trọng so với Doanh thu thuần (%)	
Tiêu thụ sản phẩm đá, đất	224.686	20,24%	201.556	21,40%	-10,29%
Kinh doanh VLXD	61.490	5,54%	40.798	4,33%	-33,65%
Giao thông và xây dựng	4.735	0,43%	1.190	0,13%	-74,87%
Hoạt động khác	1.517	0,14%	1.527	0,16%	0,66%
Tổng cộng	292.428	26,35%	245.071	26,02%	-16,19%

Chịu chung ảnh hưởng trong việc giảm doanh thu các HĐKD của Công ty, năm 2021, giá vốn hàng bán và lợi nhuận gộp của BBCC cũng có mức giảm tương tự, lần lượt đạt 696,881 và 245,071 tỷ đồng tương ứng giảm 14,78% và 16,19% so với năm trước. Mức giảm nhiều nhất đến từ lợi nhuận gộp mảng hoạt động giao thông và xây dựng của Công ty, khi trong năm 2021, chỉ đóng góp xấp xỉ 1,2 tỷ đồng, giảm 74,87% so với cùng kỳ. Năm 2021, hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là tiêu thụ sản phẩm đá, đất đạt lợi nhuận gộp 201,556 tỷ đồng, giảm 10,29%, nhưng tỷ trọng so với doanh thu thuần đã tăng trưởng lên bằng 21,4%, so với mức 20,24% năm 2020.





TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

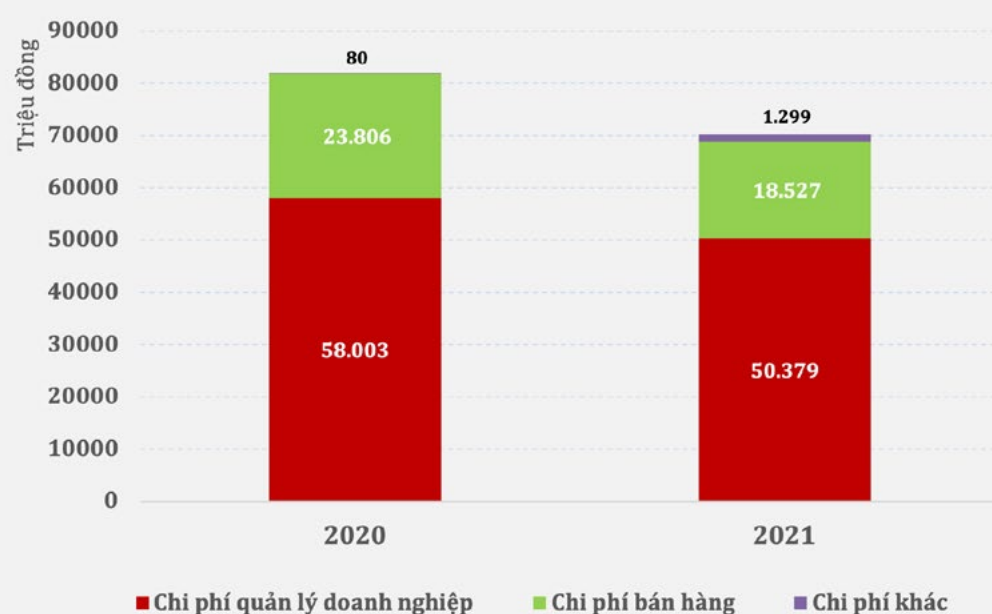
Chi phí khác

ĐVT: triệu đồng

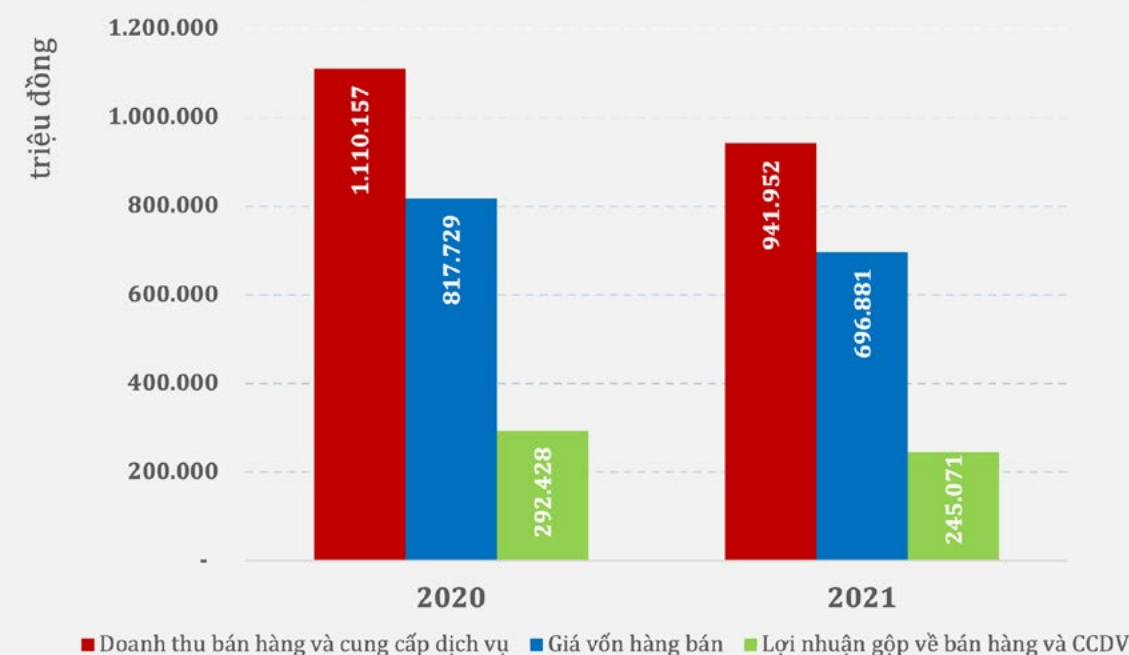
Cơ cấu chi phí khác	Năm 2020		Năm 2021		% Tăng/giảm 2021-2020
	Giá trị	Tỷ trọng so với Doanh thu (%)	Giá trị	Tỷ trọng so với Doanh thu (%)	
Chi phí Bán hàng	23.806	2,14%	18.527	1,97%	-22,18%
Chi phí Quản lý doanh nghiệp	58.003	5,22%	50.379	5,35%	-13,14%
Chi phí khác	80	0,01%	1.299	0,14%	1524%
Tổng cộng	81.889	7,37%	70.205	7,46%	-14,27%

Trong những năm qua, bên cạnh giá vốn hàng bán thì chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp chiếm tỷ trọng đáng kể trong cơ cấu chi phí của BBCC. Đáng chú ý là cả hai khoản chi phí này đều được Công ty quản trị rất hiệu quả trong năm qua. Cụ thể, giá vốn hàng bán giảm 14,78% so với năm 2020, xuống còn xấp xỉ 697 tỷ đồng, trong khi chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp được cắt giảm mạnh mẽ lần lượt 22,18% và 13,14% so với năm 2020. Tỷ trọng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp so với doanh thu thuần đã được Công ty giảm thiểu đáng kể, thể hiện sự cải thiện trong hiệu quả công tác quản trị, điều hành của Ban lãnh đạo công ty.

CƠ CẤU CHI PHÍ KHÁC



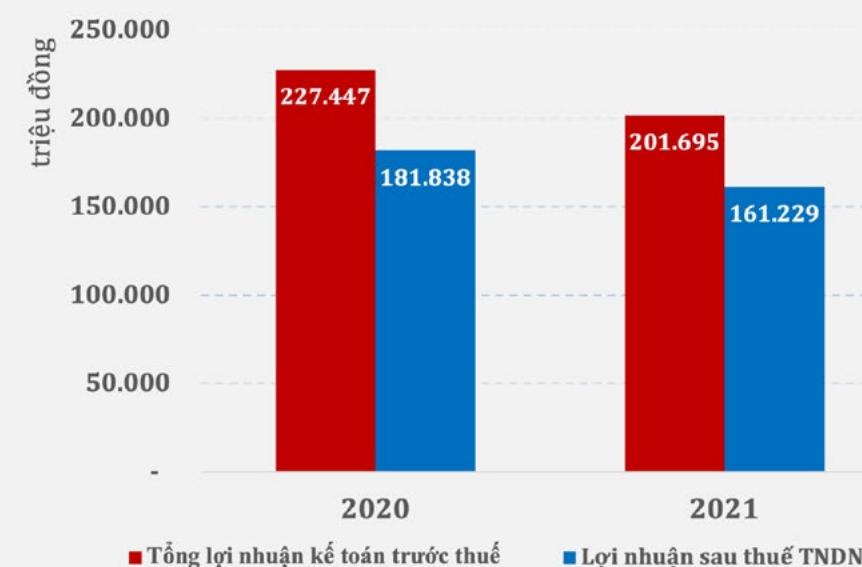
BIẾN ĐỘNG DOANH THU-LỢI NHUẬN GỘP

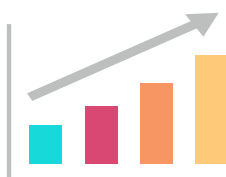


Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	% 2021/2020
Doanh thu thuần	1.110.157	941.952	84,85%
Lợi nhuận từ HĐKD	226.410	190.908	84,32%
Lợi nhuận trước thuế	227.447	201.695	88,68%
Lợi nhuận sau thuế	181.838	161.229	88,67%

Nhờ khả năng quản lý chi phí tốt trong năm 2021, tổng lợi nhuận kế toán trước thuế và lợi nhuận sau thuế TNDN của Công ty trong năm 2021 duy trì ở mức cao, lần lượt đạt 201,695 và 161,229 tỷ đồng bằng xấp xỉ 88,67% so với năm 2020.

LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ-LỢI NHUẬN SAU THUẾ





TỔ CHỨC VÀ NHÂN SỰ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Huỳnh Xuân Đạo	Chủ tịch HĐQT	9.401.000	20,00%
2	Ông Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT Giám đốc Công ty	5.230.000	11,13%
3	Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT	5.176.800	11,01%
4	Ông Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên HĐQT không điều hành	-	-
5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT không điều hành	-	-



Lý lịch thành viên

Ông Huỳnh Xuân Đạo Chủ tịch HĐQT

Năm sinh : 27/12/1986
Nơi sinh : TP. Hồ Chí Minh
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ quản trị kinh doanh

Ông Huỳnh Kim Vũ Thành viên HĐQT kiêm Giám đốc công ty

Năm sinh : 15/02/1973
Nơi sinh : Bình Dương
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Quản trị Kinh doanh
Cử nhân Kế toán

Ông Phạm Quốc Thái Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng

Năm sinh : 30/01/1969
Nơi sinh : Đồng Nai
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Tài chính doanh nghiệp

Ông Nguyễn Quốc Phòng Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh : 29/06/1977
Nơi sinh : Lâm Đồng
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Tài chính - Tín Dụng

Ông Nguyễn Thanh Tùng Thành viên HĐQT không điều hành

Năm sinh : 10/11/1983
Nơi sinh : Bình Phước
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế

Danh sách thành viên Ban điều hành

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT Giám đốc Công ty	5.230.000	11,13%
2	Ông Nguyễn Hùng Thắng	Phó Giám đốc Công ty	5.000	0,011%
3	Ông Nguyễn Xuân Việt	Phó Giám đốc Công ty	53.940	0,114%
4	Ông Phạm Quốc Thái	Kế toán trưởng Công ty	5.176.800	11,01%

Danh sách thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Huỳnh Đường Tài	Trưởng Ban Kiểm Soát	5.040	0,011%
2	Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Thành viên BKS	-	-
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	Thành viên BKS	3.290.000	7,00%

Ông Nguyễn Hùng Thắng Phó Giám đốc công ty

Năm sinh : 10/10/1973
Nơi sinh : Đồng Tháp
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh doanh và Quản lý

Ông Nguyễn Xuân Việt Phó Giám đốc công ty

Năm sinh : 31/07/1962
Nơi sinh : Đồng Nai
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Cử nhân Quản trị Kinh doanh
Kỹ sư Cơ khí Ô tô

Ông Huỳnh Đường Tài Trưởng Ban kiểm soát

Năm sinh : 06/08/1975
Nơi sinh : Long An
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kinh tế

Bà Nguyễn Thị Thu Trà Thành viên BKS

Năm sinh : 18/08/1984
Nơi sinh : Hải Phòng
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng

Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc Thành viên BKS

Năm sinh : 12/09/1984
Nơi sinh : Đồng Nai
Quốc tịch : Việt Nam
Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Tài chính - Ngân hàng

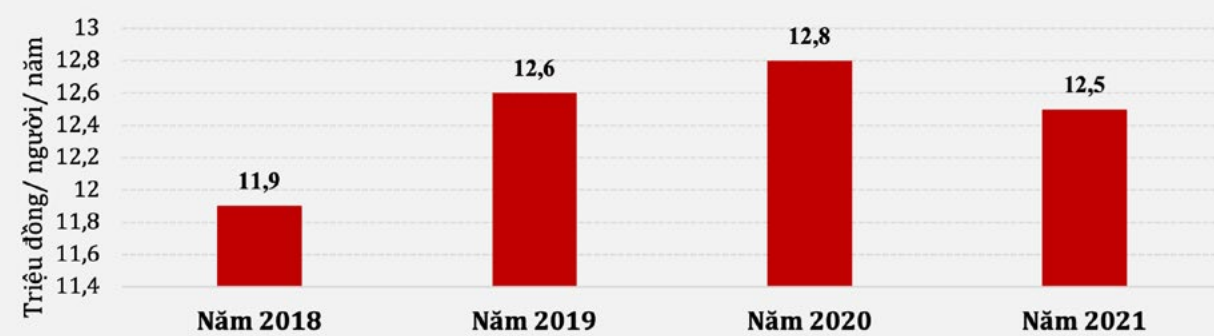
Danh sách thay đổi thành viên HĐQT, Ban điều hành, BKS trong năm 2021

STT	Thành viên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Ông Huỳnh Xuân Đạo	Chủ tịch HĐQT	23/07/2021	-
		Phó Giám đốc Công ty	-	23/07/2021
2	Ông Huỳnh Kim Vũ	Chủ tịch HĐQT	-	23/07/2021
		Giám đốc Công ty	23/07/2021	-
3	Ông Nguyễn Hùng Thắng	Q. Giám đốc Công ty	-	23/07/2021
		Phó Giám đốc Công ty	23/07/2021	-
4	Bà Huỳnh Huy Anh Thư	Thành viên BKS	-	16/06/2021
5	Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	Thành viên BKS	16/06/2021	-

Số lượng cán bộ công nhân viên

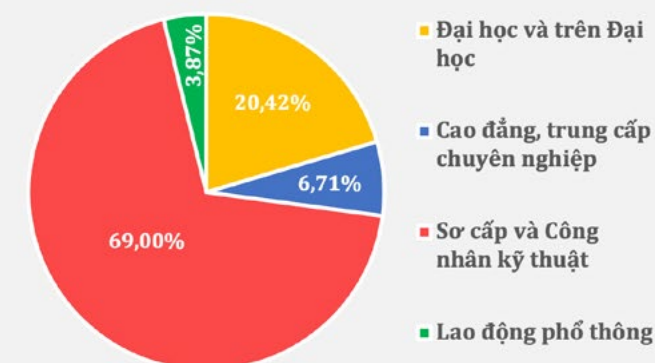
Chỉ tiêu	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Tổng số lượng người lao động (người)	724	710	686	671
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	11.900.000	12.600.000	12.800.000	12.500.000

Thu nhập bình quân của người lao động trong giai đoạn 2018 - 2021

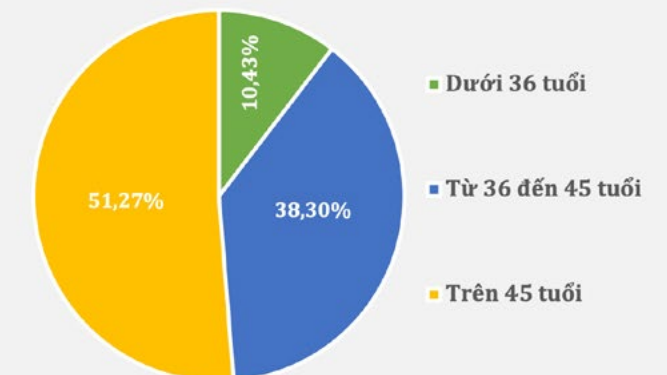


STT	Tiêu chí	Năm 2020		Năm 2021	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)	Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	686	100%	671	100%
1	Đại học và trên Đại học	138	20,12%	137	20,42%
2	Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	47	6,85%	45	6,71%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	476	69,39%	463	69,00%
4	Lao động phổ thông	25	3,64%	26	3,87%
II	Theo đối tượng lao động	686	100%	671	100%
1	Lao động trực tiếp	388	57%	382	56,93%
2	Lao động gián tiếp	298	43%	289	43,07%
III	Theo giới tính	686	100%	671	100%
1	Nam	594	86,59%	578	86,14%
2	Nữ	92	13,41%	93	13,86%
IV	Theo thời hạn HĐLĐ	686	100%	671	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	1	0,15%	3	0,45%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	46	6,7%	31	4,62%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	639	93,15%	637	94,93%
V	Theo độ tuổi	686	100%	671	100%
2	Dưới 36 tuổi	84	12,24%	70	10,43%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	309	45,04%	257	38,30%
4	Trên 45 tuổi	293	42,71%	344	51,27%
Tổng cộng		686	100%	671	100%

Theo trình độ lao động



Theo độ tuổi



Chính sách nhân sự

Chính sách tuyển dụng và đào tạo



Công ty áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2015, Công ty đã ban hành thủ tục tuyển dụng số OA002; CBCNV được tuyển dụng phải có trình độ, kinh nghiệm, năng lực công tác đáp ứng phù hợp yêu cầu, vị trí cần tuyển dụng.

Với đặc thù ngành khai thác đá xây dựng, CBCNV đối mặt với nhiều rủi ro trong quá trình làm việc, nên việc đào tạo và nâng cao nhận thức về an toàn lao động được Công ty rất chú trọng. Ngoài ra, người lao động còn được Công ty hỗ trợ kinh phí để tham gia các khóa đào tạo phù hợp với từng vị trí, chức danh công việc nhằm nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ theo định hướng phát triển của Công ty.

Công nhân trực tiếp sản xuất được đào tạo và tập huấn định kỳ theo đúng chuyên môn, đảm bảo đủ tiêu chuẩn từng công việc theo yêu cầu của Công ty và quy định của pháp luật về lao động. Khi cần thiết, cán bộ quản lý sẽ được cử đi học các khóa ngắn hạn để cập nhật kiến thức, tạo điều kiện thuận lợi để học tập nâng cao chuyên môn.

Môi trường làm việc và Văn hoá doanh nghiệp

Nguồn nhân lực là tài sản quý báu, là nhân tố quan trọng đối với BBCC. Vì vậy, Công ty không ngừng đầu tư, phát triển chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng yêu cầu mục tiêu, phát triển bền vững của công ty.

Ngoài ra, Công ty luôn khuyến khích người lao động phát huy hết năng lực, tạo điều kiện cho nhân viên phát huy tính sáng tạo, mang lại những sáng kiến, giải pháp thiết thực trong hoạt động sản xuất kinh doanh.

Bên cạnh đó, BBCC luôn tạo môi trường làm việc hài hòa và năng động, công bằng và bình đẳng, xây dựng một tập thể đoàn kết, đồng thuận, gắn kết từ cấp lãnh đạo đến người công nhân trực tiếp sản xuất.



Về lương, thưởng, phúc lợi, đãi ngộ

Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất vật liệu xây dựng Biên Hoà luôn có chế độ đãi ngộ hợp lý đối với những CBCNV có trình độ, năng lực quản lý, điều hành góp phần mang lại lợi ích cho Công ty.

Công ty xây dựng và thực hiện chính sách tiền lương, thưởng phù hợp với đặc trưng ngành nghề kinh doanh và đảm bảo cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Việc trả lương gắn với năng lực và kết quả công việc của người lao động, đồng thời tạo động lực khuyến khích cán bộ nhân viên phát huy năng lực, trách nhiệm để nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả công việc.

Trong năm 2021, các chế độ phúc lợi cho người lao động như quà tết và tiền lương, tiền thưởng tiếp tục được đảm bảo. Cụ thể thưởng Tết Tân Sửu 2021 bình quân 28,3 triệu đồng/người, quà Tết Tân Sửu 2021 trị giá 2.069.000 đồng, thu nhập bình quân công nhân năm 2021 là 12.500.000 đồng/người, đạt 114% so kế hoạch năm 2021 (riêng đối với công nhân ngừng việc do ảnh hưởng dịch Covid-19 Công ty vẫn hỗ trợ hưởng lương không thấp hơn mức lương tối thiểu vùng theo khoản 3 Điều 99 Bộ luật Lao động năm 2019); các dịp lễ lớn trong năm Công ty thưởng cho CNLĐ bình quân từ 2 đến 4 triệu đồng/người.

Theo Thỏa ước lao động tập thể của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa và căn cứ vào kết quả sản xuất kinh doanh, Công ty tổ chức cho CB-CNVLĐ đi nghỉ mát hàng năm. Tuy nhiên trong năm 2021, tình hình dịch bệnh Covid-19 bùng phát mạnh khắp các tỉnh thành cả nước và kéo dài, việc tổ chức đi nghỉ mát sẽ tập trung đông người, có nguy cơ lây nhiễm, dễ ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Vì vậy để đảm bảo quyền lợi cho CB-CNVLĐ, Công ty đã thực hiện chi phúc lợi cho người lao động (thay thế việc tổ chức đi nghỉ mát năm 2021) bằng hình thức mua phiếu mua hàng tiêu dùng thiết yếu trị giá 5.000.000 đồng/người (công tác đủ 12 tháng trở lên) với tổng số tiền 3.367.500.000 đồng.





TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ THỰC HIỆN DỰ ÁN

Tình hình đầu tư vào các dự án

STT	Tên dự án	Mô tả	Mục đích	Quy mô	Thời gian thực hiện	Tổng mức đầu tư (tỷ đồng)
1	Mỏ đá Thạnh Phú 1	Nhận chuyển nhượng đất để giải phóng mặt bằng	Mở rộng diện tích khai thác	2.280,1 m ²	Tháng 4-11/2021	2,998 tỷ đồng

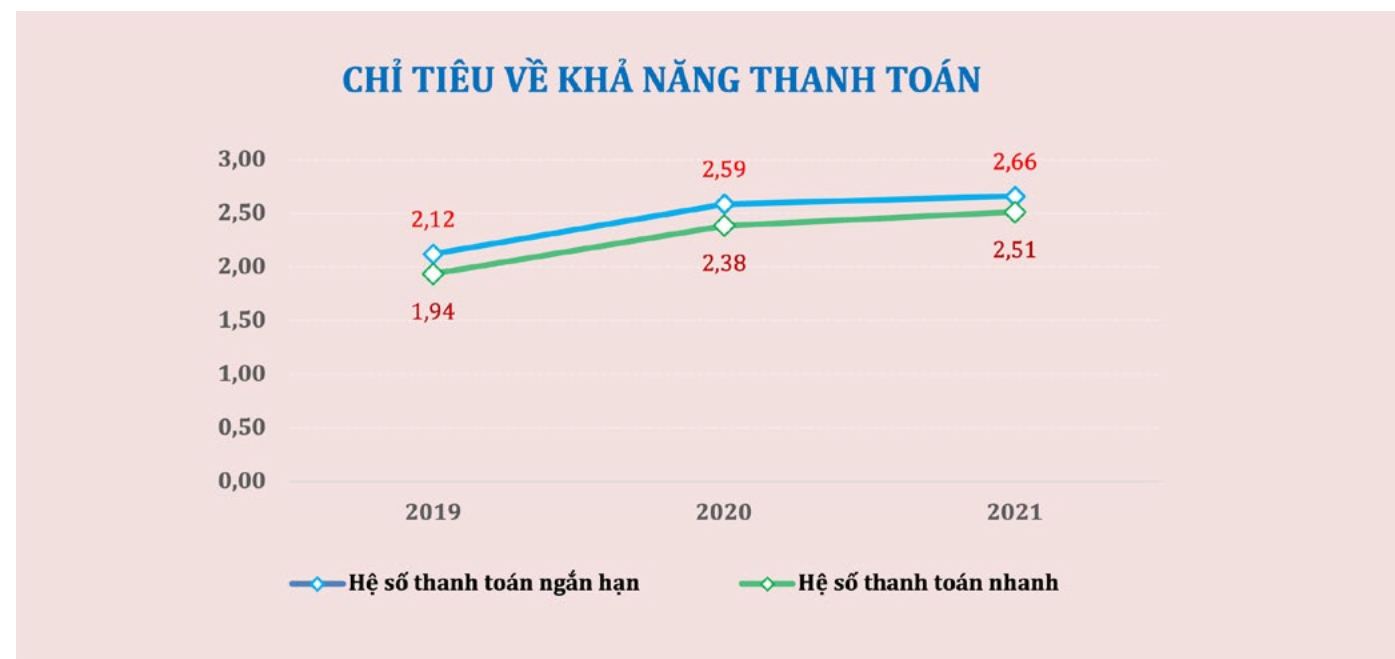



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	2,59	2,66
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	2,38	2,51
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	21,72	21,90
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	27,75	28,04
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	21,55	20,62
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	1,27	1,06
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	16,38	17,12
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	26,85	23,25
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	20,80	18,18
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	20,39	20,27

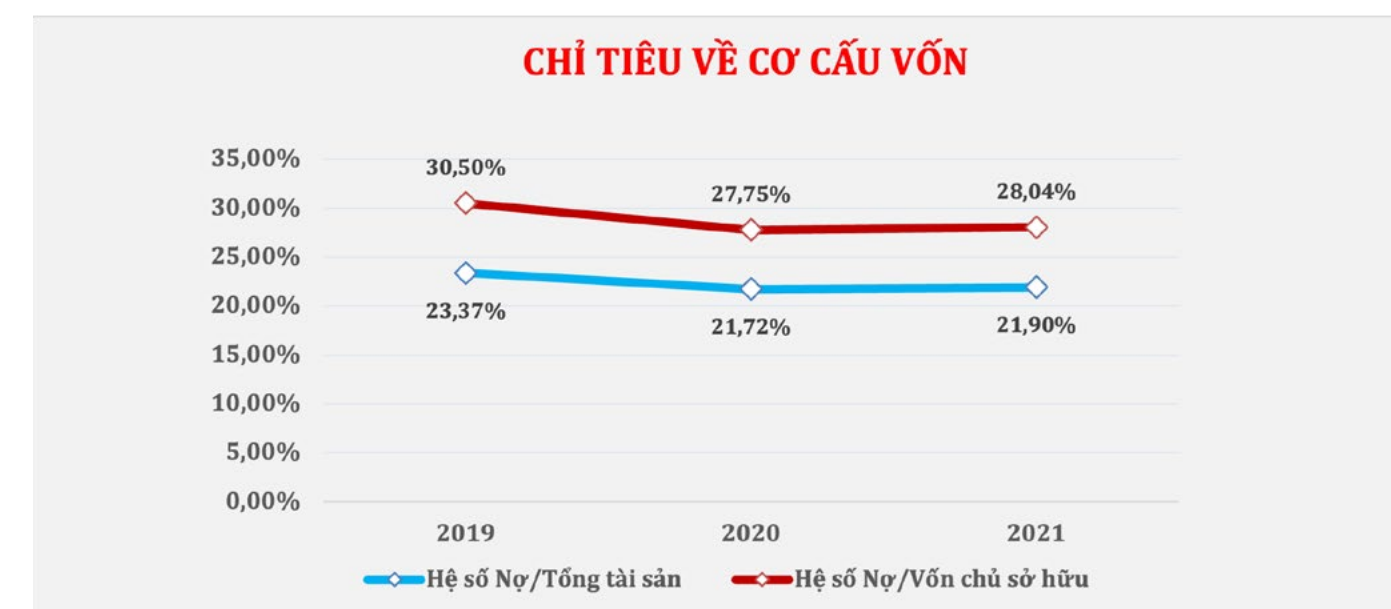
Chỉ tiêu về Khả năng thanh toán



Việc cắt giảm mạnh mẽ các khoản nợ vay và gia tăng trữ tiền mặt trong năm qua đã giúp chỉ số thanh khoản của Công ty cải thiện đáng kể so với năm trước. Điều này là phù hợp trong bối cảnh nền kinh tế gặp khó khăn và hoạt động kinh doanh bất động sản nói chung còn trì trệ. Cụ thể, trong năm 2020-2021, hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 2,59 lên 2,66 lần; trong khi hệ số thanh toán nhanh cũng tăng từ 2,38 lên 2,51 lần. Duy trì khả năng thanh toán ấn tượng sẽ giúp cho BBCC chủ động nắm bắt các cơ hội và tăng tính chủ động hơn trong các phương án kinh doanh.

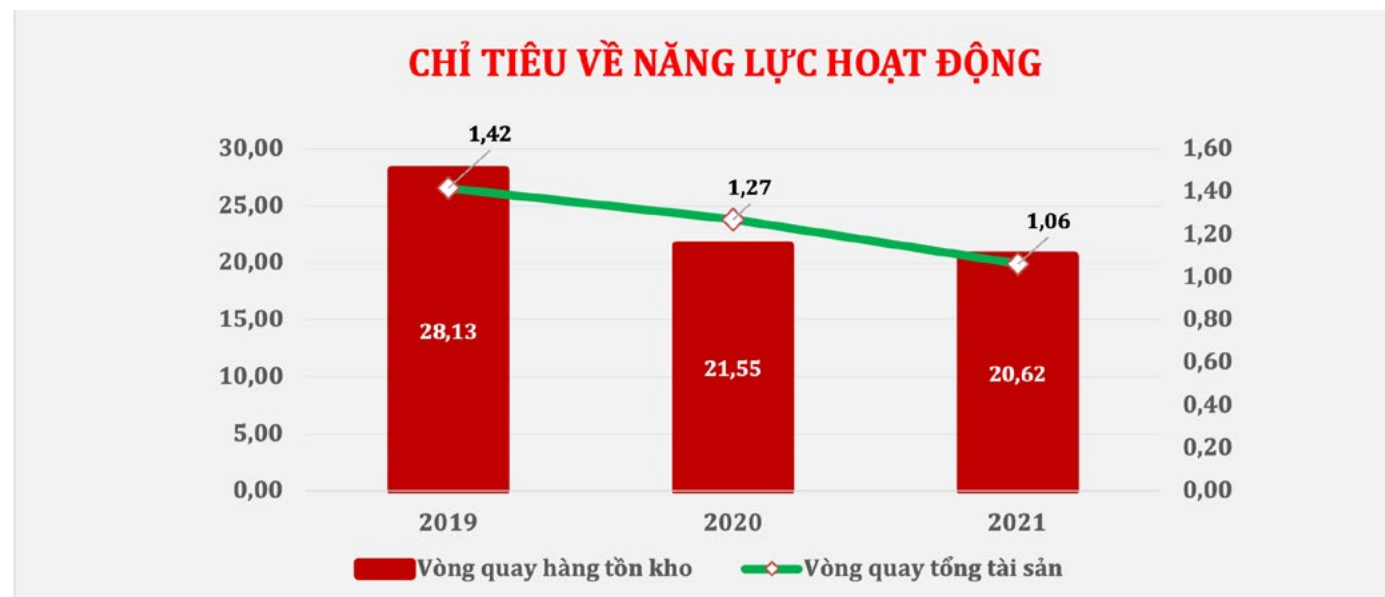


Chỉ tiêu về Cơ cấu vốn



Cơ cấu nguồn vốn của công ty trong năm 2021 không có sự thay đổi đáng kể so với các năm trước đó. Hệ số nợ phải trả/ tổng tài sản tăng nhẹ, đạt 21,9% trong năm 2021. Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu là 28,04%, ở mức tương đồng so với năm trước. Năm 2021, khoản nợ phải trả của công ty giảm 3,88% so với 2020 và tiếp tục không có sử dụng nợ dài hạn. Do đó, bằng việc duy trì ổn định các chỉ tiêu về cơ cấu vốn, BBCC đã cho thấy trạng thái tự chủ về tài chính rất tốt trong những năm gần đây.

Chỉ tiêu về Năng lực hoạt động

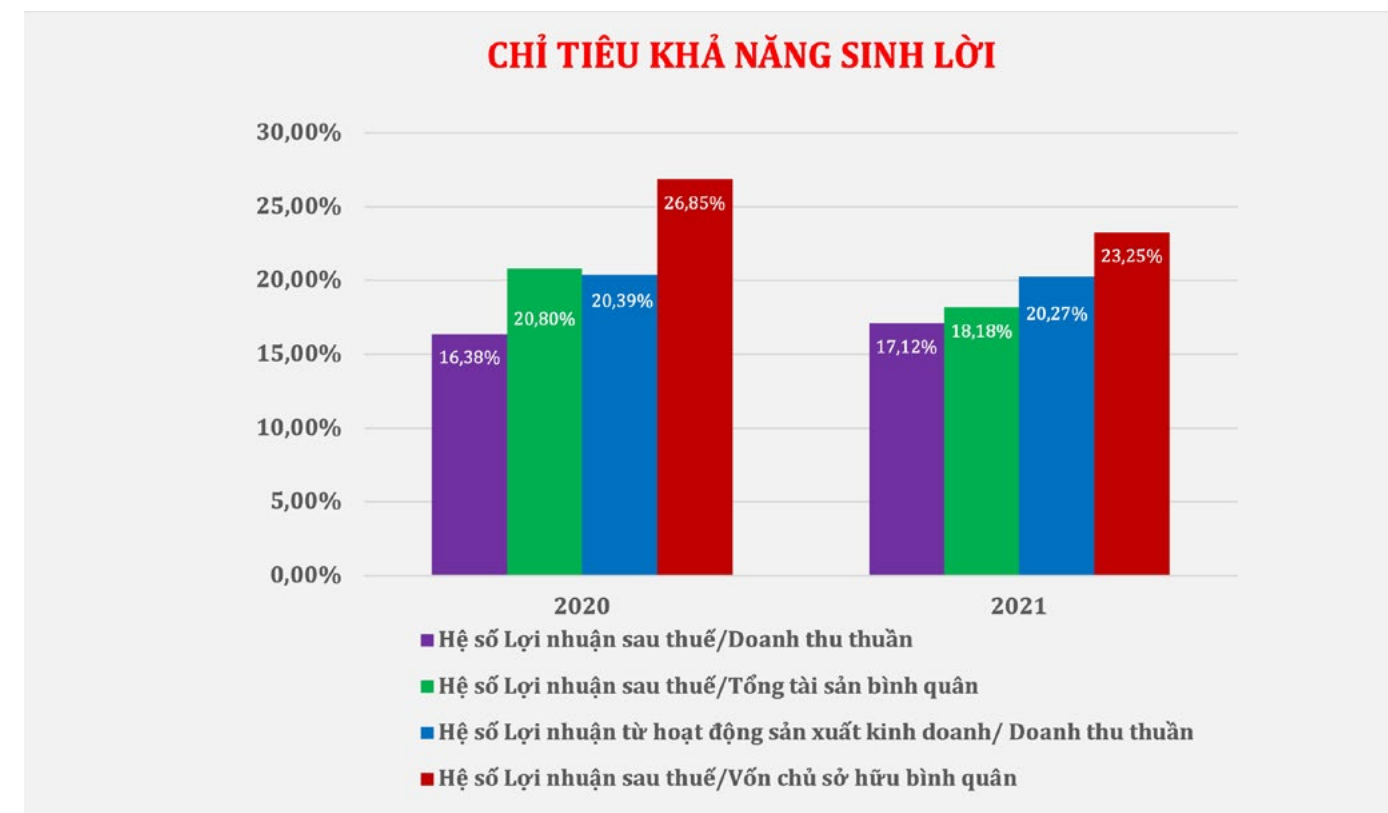


Năm 2021, vòng quay hàng tồn kho của Công ty là 20,62 vòng, thấp hơn so với mức 21,55 lần năm 2020. Sự giảm sút giảm nhẹ này chủ yếu giá vốn hàng bán năm 2021 sụt giảm 14,78% so với năm 2020, trong khi hàng tồn kho bình quân năm 2021 giảm 10,9% so với năm trước. Năm 2021, chịu sự ảnh hưởng của dịch Covid-19, các biện pháp giãn cách xã hội khiến các công trình hạ tầng giao thông và xây dựng trong khu vực đều phải tạm ngưng thi công, tác động trực tiếp đến tiêu thụ sản phẩm đá, đất và mảng kinh doanh VLXD của BBCC, làm cho giá vốn hàng bán của hai hoạt động này giảm lần lượt 6,09% và 23,09% so với năm 2020.

Tương tự, chỉ số vòng quay tổng tài sản của Công ty năm 2021 ở mức 1,06, giảm nhẹ so với 1,27 của năm 2020. Doanh thu của BBCC năm 2021 giảm 15,15% so với năm 2020 nhưng tổng tài sản bình quân đã tăng 1,45% so với 2020. Điều này đã làm giảm vòng quay tổng tài sản của BBCC năm 2021. Hạng mục doanh thu thuần của BBCC bị ảnh hưởng nhiều bởi đặc thù kinh doanh của Công ty chịu tác động trực tiếp của việc giãn cách xã hội trong giai đoạn dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp ở Việt Nam trong quý 3/2021.



Chỉ tiêu về Khả năng sinh lời



Trong năm 2021, là một doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh trong lĩnh vực vật liệu xây dựng, dù thị trường kinh doanh có nhiều biến động, nhưng Công ty đã duy trì hiệu suất sinh lời tốt so trung bình ngành. Hệ số lợi nhuận hoạt động SXKD/Doanh thu thuần đạt 20,27% trong năm 2021, duy trì ở mức tương đương 2020. Đồng thời, hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ghi nhận ở mức 17,12%, tăng nhẹ so với mức 16,3% của năm 2020, điều này là do Công ty trong năm nay đã ghi nhận Lợi nhuận khác lớn bao gồm: khoản giảm 30% tiền thuê đất theo Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ và lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bán vật tư, phế liệu... đã bù đắp phần nào giảm sút trong lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh chính. Qua đó, có thể thấy khả năng thu về lợi nhuận của Công ty trên mỗi đơn vị doanh thu vẫn đảm bảo trong bối cảnh năm 2021 có nhiều trở ngại và thách thức.

Hệ số lợi nhuận trên vốn chủ sở hữu (ROE) tiếp tục đạt mức cao 23,25%, trong khi hệ số lợi nhuận trên tài sản (ROA) ghi nhận ở mức 18,2%. Dù vậy, cả hai chỉ số đều có xu hướng giảm nhẹ so với các năm trước chủ yếu đến từ ảnh hưởng bởi sự sụt giảm lợi nhuận từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm 2021.





CƠ CẤU CỔ ĐÔNG, THAY ĐỔI VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU



Thông tin cổ phiếu

Vốn điều lệ: 470.000.000.000 đồng

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 47.000.000

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 46.773.560
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 226.440 cổ phiếu

Loại cổ phần: phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông (chốt danh sách sở hữu ngày 6/8/2021)

STT	Đối tượng	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu cổ đông	
					Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông Nhà nước	23.030.000	49,00%	1	1	0
2	Cổ đông lớn (sở hữu từ 5% vốn cổ phần trở lên)	4.500.000	9,57%	1	1	-
	- Trong nước	4.500.000	9,57%	1	1	0
	- Nước ngoài	-	0,00%	0	0	0
3	Cổ phiếu quỹ	226.440	0,48%	1	1	0
4	Cổ đông khác	19.243.560	40,95%	1.002	4	998
	- Trong nước	19.219.860	40,90%	999	2	997
	- Nước ngoài	23.700	0,05%	3	2	1
TỔNG CỘNG		47.000.000	100%	1.005	7	998
Trong đó: - Trong nước		46.976.300	99,95%	1.002	5	997
- Nước ngoài		23.700	0,05%	3	2	1

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Mua lại 25.400 cổ phiếu, ngày 17/5/2021

Các chứng khoán khác: Không có



Danh sách cổ đông lớn (chốt danh sách sở hữu ngày 6/8/2021)

STT	Tên Cổ đông lớn	Địa chỉ	Số lượng cổ phiếu	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Tổng Công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai - Một thành viên Công ty TNHH	Số 833A, Xa Lộ Hà Nội, KP1, P.Long Bình Tân, Tp.Biên Hòa, Đồng Nai, Việt Nam	23.030.000	49,00%
2	Công ty TNHH Đầu Tư KSB	Thửa đất số 850, Tờ bản đồ số 122(DC12.2), Đường Nguyễn Thị Minh Khai, Khu Phố Hoà Lân 1, Phường Thuận Giao, Thành Phố Thuận An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam	4.500.000	9,57%



BÁO CÁO
PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG



TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG & CỘNG ĐỒNG



Tiêu thụ nước

Năm 2021, BBCC tiêu thụ 16.417 m³ nước sạch do Công ty Cổ phần Cấp nước Đồng Nai, Công ty CP Dịch vụ và Xây dựng Cấp nước Đồng Nai, Hợp tác xã Tuấn Nghĩa Phước Tân và Công ty cổ phần cấp nước Gia Tân cung cấp; khai thác 231.797 m³ nước mặt từ sông Đồng Nai và Sông Buông phục vụ công tác bảo vệ môi trường, khai thác 23.991 m³ nước dưới đất phục vụ sinh hoạt và công tác bảo vệ môi trường, tái sử dụng 56.249 m³ nước thải từ mỏ đá Tân Cang 1 để phục vụ công tác bảo vệ môi trường tại mỏ.



Tiết kiệm tài nguyên khoáng sản và nhiên liệu

Về tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, năm 2021, Công ty tiêu thụ được 2.711.968,5 m³ đất tăng phủ tương ứng doanh thu trước thuế VAT là 50 tỷ 775 triệu đồng, vừa tăng doanh thu, đồng thời tiết kiệm hàng chục tỷ đồng chi phí bốc đất đầu và di dời, đổ thải; đá phong hóa năm 2021 tiêu thụ được 14.900 m³. Qua đó tiết kiệm tài nguyên khoáng sản tại các mỏ đá trực thuộc và tăng nguồn thu ngân sách nhà nước qua thuế tài nguyên, phí bảo vệ môi trường và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Mặt khác, tăng cường công tác quản lý, kiểm soát tiêu hao nhiên liệu của các đội xe vận tải, cơ giới thông qua thực hiện hiệu quả công tác định mức và quyết toán nhiên liệu hàng tháng; kịp thời kiểm tra, xử lý hoặc định mức lại đối với những trường hợp có sự thay đổi, khác biệt so với định mức chung,...

Nhờ đó, trong năm qua Công ty tiết kiệm được 101.390 lít dầu DO, tương ứng số tiền là 1 tỷ 307 triệu đồng.



Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách phúc lợi

Công ty luôn tuân thủ quy định của pháp luật về Luật Lao động, thực hiện nghiêm túc các chế độ BHXH, BHYT, BHTN và đảm bảo quyền lợi của người lao động khi nghỉ hưu, ốm đau, thai sản. Bên cạnh đó, Công ty tổ chức ăn giữa ca, thực hiện chế độ bồi dưỡng bằng hiện vật, quan trắc môi trường lao động, khám sức khỏe định kỳ lần 1, lần 2 (đối với những người làm công việc nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm), khám bệnh nghề nghiệp, khám chuyên khoa nữ, cấp thuốc điều trị tại chỗ, trợ cấp thôi việc, hưu trí, mua bảo hiểm tai nạn 24/24,...

Chính sách lao động

Đối với BBCC, con người là yếu tố quan trọng trong chuỗi giá trị bền vững, là nguồn lực quan trọng giúp Công ty thực hiện trách nhiệm với cổ đông và nhà đầu tư, môi trường, và xã hội cũng như cộng đồng. Vì vậy, các chính sách liên quan đến người lao động luôn được Công ty chú trọng trong những năm qua.

Trong những năm qua, Công ty tiếp tục thành công trong việc tạo dựng môi trường làm việc năng động, chuyên nghiệp, và đã xây dựng được một đội ngũ CBCNV có chuyên môn kỹ thuật, tay nghề cao và giàu nhiệt huyết, gắn bó lâu dài với Công ty.

Chính sách đào tạo

Tập trung công tác đào tạo nâng cao trình độ chuyên môn, bổ sung đội ngũ CBCNV đáp ứng yêu cầu chuyên môn nghiệp vụ, chú trọng bồi dưỡng đội ngũ cán bộ quản lý tiềm năng đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

Công ty luôn có kế hoạch hằng năm để cử nhân viên tham gia các lớp đào tạo chuyên môn, kỹ năng, các chương trình huấn luyện liên quan đến hoạt động doanh nghiệp nhằm nâng cao tay nghề, chuyên môn, nghiệp vụ.



Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty luôn đặc biệt quan tâm và thực hiện nghiêm túc các yêu cầu theo báo cáo đánh giá tác động môi trường đối với từng mỏ đá đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Công ty xác định đây là trách nhiệm mà doanh nghiệp phải luôn tuân thủ nghiêm và tổ chức thực hiện ngày một tốt hơn để phục vụ cho chiến lược phát triển bền vững của Công ty.

Năm 2021, Công ty tuân thủ nghiêm ngặt pháp luật về bảo vệ môi trường, không có trường hợp bị xử phạt do vi phạm.



Xử lý rác thải, chất thải trong quá trình sản xuất

Rác thải sinh hoạt được Công ty hợp đồng với đơn vị có chức năng (Công ty Cổ phần Môi trường Sonadezi, Công ty TNHH Môi trường Trí Ngọc Đạt và Hợp tác xã Vệ sinh Môi trường Nguyễn Huệ) đến thu gom, xử lý.

Chất thải nguy hại phát sinh được giao cho Công ty TNHH Thương Mại - Môi trường Thiên Phước đến thu gom và đưa đi xử lý theo hợp đồng được ký kết hàng năm giữa hai Công ty.



Báo cáo liên quan đến trách nhiệm với cộng đồng địa phương

Đối với công tác xã hội, trong năm qua, các tổ chức đoàn thể trong Công ty đã phối hợp với Người quản lý tiếp tục thực hiện tốt công tác đền ơn đáp nghĩa, xã hội từ thiện, hướng về cuộc sống cộng đồng như: Công ty đã duy trì thăm hỏi và hỗ trợ cho 07 gia đình chính sách, hộ nghèo với mức hỗ trợ 1.000.000 đồng/tháng/gia đình; đóng góp 01 ngày lương cơ bản theo mức lương tối thiểu vùng mà Công ty áp dụng là 170.000 đồng/người với số tiền 114.410.000 đồng vào Quỹ Phòng, chống thiên tai; ủng hộ 120.000.000 đồng để xây dựng 02 căn nhà tình thương tại huyện Thống Nhất; đặt biệt, phát huy truyền thống nhân văn, tương thân, tương ái, với nỗ lực hết mình vì lợi ích cộng đồng, luôn đặt phương châm gắn trách nhiệm xã hội trong hoạt động sản xuất kinh doanh, qua đó BBCC đã đóng góp vào Quỹ vắc xin phòng Covid-19, ủng hộ và hỗ trợ mua trang thiết bị y tế phòng, chống dịch Covid-19 với số tiền 3.848.740.000 đồng.



3 | Báo cáo của Ban Giám đốc

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
năm 2021

Tình hình tài chính

Những cải tiến trong năm

Kế hoạch phát triển trong tương lai

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2021

Tình hình hoạt động

Trong năm 2021, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty gặp nhiều khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, giá xăng dầu tăng cao, tiến độ thi công các dự án hạ tầng giao thông trọng điểm khu vực miền Đông và Tây Nam bộ còn chậm do khó khăn về vốn,... đặc biệt là trong quý III/2021, do ảnh hưởng đợt dịch lần thứ 4 bùng phát khắp 23 tỉnh, thành phía Nam và kéo dài, trong đó nặng nề nhất là thành phố Hồ Chí Minh, Bình Dương, Đồng Nai và Long An; hầu hết các công trình hạ tầng giao thông và xây dựng trong khu vực đều phải tạm ngưng thi công để thực hiện các biện pháp phòng, chống dịch theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ, dẫn đến thị trường tiêu thụ sản phẩm đá trong quý III giảm mạnh, chưa được 1/2 nhu cầu so với quý II/2021. Mặt khác, việc áp dụng phương án "03 tại chỗ" cũng phát sinh nhiều chi phí, cộng thêm giá xăng dầu liên tục được điều chỉnh tăng mạnh và đạt đỉnh cao nhất tính từ năm 2018 đến nay (tăng từ 40 - 52% so với giá xăng dầu đầu năm

2021) đã làm cho giá thành sản phẩm tăng v.v. Đây chính là những yếu tố trực tiếp ảnh hưởng đến lợi nhuận của Công ty trong quý III nói riêng và cả năm 2021 nói chung.

Đến đầu tháng 10/2021, Chính phủ ban hành Nghị quyết số 128/NQ-CP về thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19 để đảm bảo tiếp tục thực hiện mục tiêu kép "vừa phòng chống dịch bệnh, vừa phát triển kinh tế - xã hội", tạo điều kiện thuận lợi cho các doanh nghiệp khôi phục dần các hoạt động sản xuất, kinh doanh; nhằm đảm bảo tình hình sức khỏe, tinh thần, nhất là giải quyết việc làm, thu nhập cho toàn thể người lao động, Công ty lập phương án chấm dứt 03 tại chỗ và chuyển sang đi, về hàng ngày và đã được các cơ quan chức năng chấp thuận, phê duyệt, qua đó giúp Công ty đẩy mạnh công suất khai thác, tăng tiêu thụ sản phẩm đá trong quý IV/2021 nhưng đồng thời đảm bảo an toàn phòng, chống dịch.



Kết quả sản xuất kinh doanh 2021

ĐVT: triệu đồng

Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	%Thực hiện năm 2021/ Kế hoạch năm 2021
Doanh thu thuần, trong đó:	1.110.157	908.136	941.952	103,72%
- Tiêu thụ sản phẩm đá	649.473	654.686	602.460	92,02%
- Tiêu thụ sản phẩm đất	56.328	18.450	50.925	276,02%
- Kinh doanh VLXD	307.523	220.000	230.028	104,56%
- Giao thông và xây dựng	53.062	15.000	15.023	100,15%
- Doanh thu khác	43.771	-	43.516	-
Lợi nhuận từ HĐKD	226.410	150.000	190.908	127,27%
Lợi nhuận khác	1.037	-	10.787	-
Lợi nhuận trước thuế	227.447	150.000	201.695	134,46%
Lợi nhuận sau thuế	181.838	120.000	161.229	134,36%
Tỷ lệ Cổ tức/VĐL	36,45%	>=15%	Sẽ trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2022 xem xét thông qua, dự kiến >15%	-

Trong năm 2021, mặc dù dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp, khiến nền kinh tế trong nước gặp nhiều khó khăn. BBCC tiếp tục duy trì doanh thu thuần ở mức cao, xấp xỉ 942 tỷ đồng, vượt 3,72% so với kế hoạch đề ra trong năm. Dù chỉ đạt khoảng 85% so với năm 2020 (1.110 tỷ đồng) nhưng đây là một điểm đáng khích lệ, chứng minh nỗ lực không ngừng của Ban lãnh đạo cũng như tập thể CBCNV toàn Công ty.

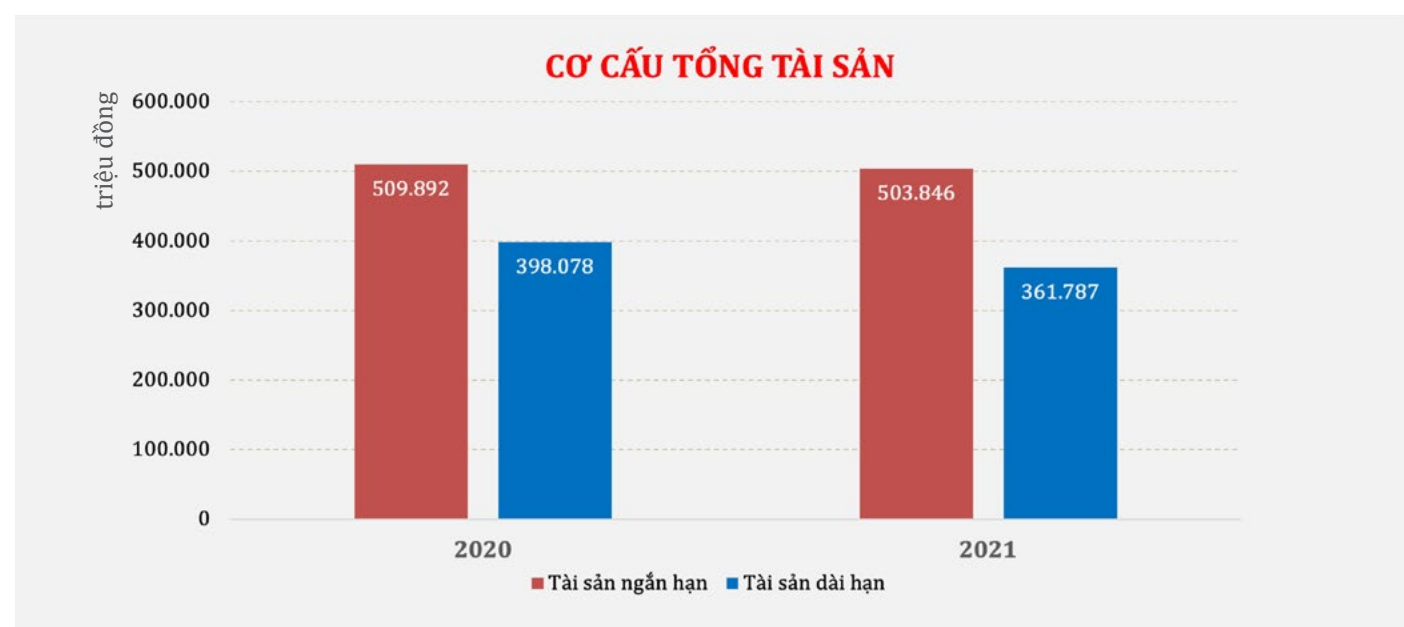
Đáng chú ý, trong năm 2021, Lợi nhuận trước thuế của BBCC đạt 201,695 tỷ đồng, vượt 34,46 % so với kế hoạch. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ biến động tương đồng với doanh thu thuần nhưng Công ty vẫn đạt lợi nhuận ở mức cao là do có sự đóng góp xấp xỉ 10,8 tỷ đồng từ lợi nhuận khác. Khoản lợi nhuận này chủ yếu đến từ chính sách giảm giảm 30% tiền thuê đất theo Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg ngày 25/9/2021 của Thủ tướng Chính phủ.

Thông qua những biện pháp, giải pháp về quản lý, điều hành, tổ chức thực hiện và kiểm tra, giám sát đồng bộ, toàn diện và hiệu quả của Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban kiểm soát; kết hợp sự quan tâm hỗ trợ, giúp đỡ của các sở, ngành, cơ quan quản lý trong tỉnh, sự đồng thuận của cổ đông và đặc biệt là sự nỗ lực phấn đấu của hơn 671 cán bộ công nhân viên toàn Công ty chính là những yếu tố quan trọng giúp Công ty vượt qua trở ngại, tích cực phát huy những lợi thế riêng của doanh nghiệp, cũng như những giai đoạn thuận lợi của thị trường để thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu về sản xuất kinh doanh mà Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã đề ra.

Tình hình tài sản

ĐVT: triệu đồng

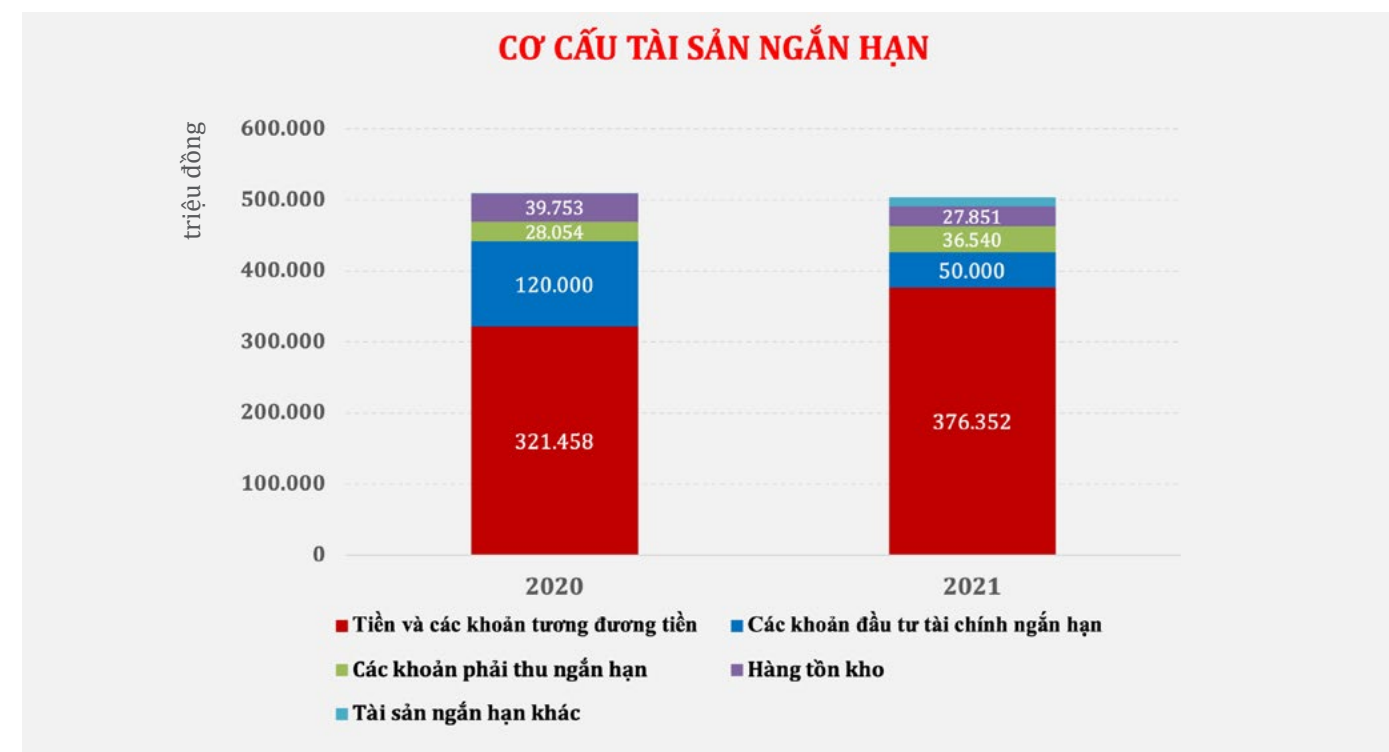
Chỉ tiêu	Năm 2020		Năm 2021		%2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tài sản ngắn hạn	509.892	56,16%	503.846	58,21%	98,81%
Tài sản dài hạn	398.078	43,84%	361.787	41,79%	90,88%
Tổng tài sản	907.970	100%	865.633	100%	95,34%



Tổng tài sản của BBCC đến cuối năm 2021 ghi nhận ở mức 865,633 tỷ đồng, bằng 95,34% so với năm trước. Trong đó chủ yếu do giảm tài sản dài hạn 9,12% xuống mức 361,8 tỷ đồng, trong khi tài sản ngắn hạn là 503,8 tỷ đồng, chỉ giảm nhẹ 1,2% so với năm trước. Con số này đưa tài sản ngắn hạn của Công ty chiếm 58,2% tổng tài sản, và tài sản dài hạn chiếm 41,8%.

ĐVT: triệu đồng

Cơ cấu tài sản ngắn hạn	Năm 2020		Năm 2021		%2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Tiền và các khoản tương đương tiền	321.458	63,05%	376.352	74,70%	117,08%
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120.000	23,53%	50.000	9,92%	41,67%
Các khoản phải thu ngắn hạn	28.054	5,50%	36.540	7,25%	130,25%
Hàng tồn kho	39.753	7,80%	27.851	5,53%	70,06%
Tài sản ngắn hạn khác	627	0,12%	13.103	2,60%	2090,33%
Tổng cộng	509.892	100%	503.846	100%	98,81%



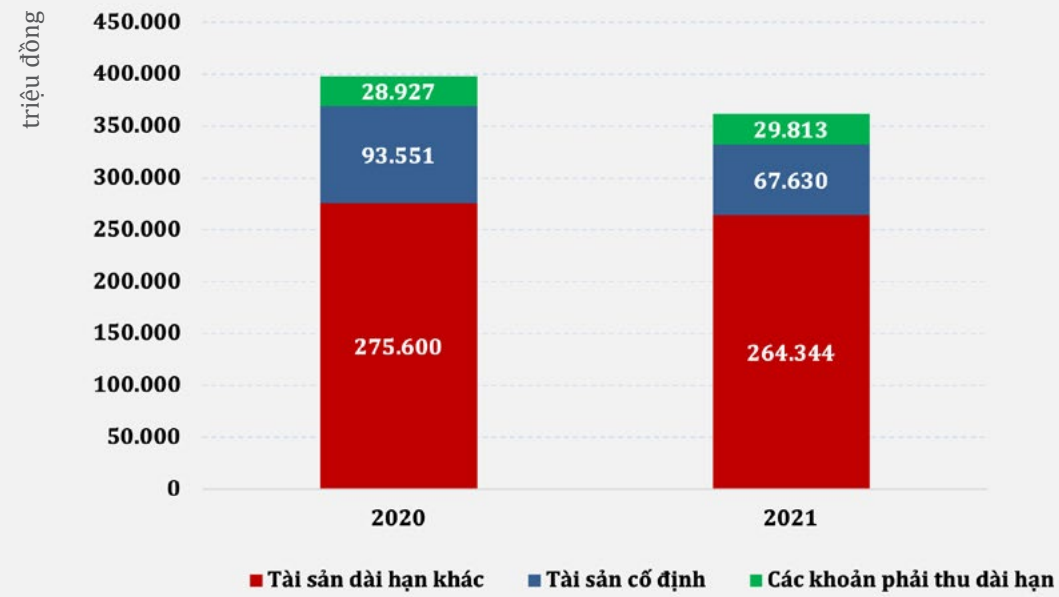
Chiếm phần lớn trong tài sản ngắn hạn của Công ty là tiền và các khoản tương đương tiền tổng cộng 376,3 tỷ đồng và chiếm 74,7% tài sản ngắn hạn; bao gồm 26,3 tỷ đồng tiền mặt, 350 tỷ đồng tương đương tiền là các khoản gửi ngân hàng kỳ hạn dưới ba tháng. Các khoản phải thu chỉ tăng nhẹ và khá an toàn ở mức 36,5 tỷ đồng, tức khoảng 7,25% tổng tài sản ngắn hạn. Công ty không có nợ phải thu quá hạn thanh toán hay không có khả năng thu hồi. Trong năm qua, Công ty duy trì tỷ lệ tiền mặt trong tài sản ngắn hạn ở mức cao hơn so với năm trước, khoảng 17%. Trong bối cảnh khủng hoảng do Covid-19, đây là bước đi cần thiết nhằm gia tăng sức mạnh tài chính của Công ty và cũng để nhằm tận dụng các cơ hội đầu tư trên thị trường. Hàng tồn kho và tài sản ngắn hạn khác chỉ chiếm tổng cộng 8,13%, tương ứng ở mức 27,8 tỷ đồng và 13,1 tỷ đồng.

ĐVT: triệu đồng

Cơ cấu tài sản dài hạn	Năm 2020		Năm 2021		%2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Các khoản phải thu dài hạn	28.927	7,27%	29.813	8,24%	103,06%
Tài sản cố định	93.551	23,50%	67.630	18,69%	72,29%
Tài sản dài hạn khác	275.600	69,23%	264.344	73,07%	95,92%
Tổng cộng	398.078	100%	361.787	100%	90,88%

Các khoản phải thu dài hạn của BBCC tiếp tục duy trì tỷ trọng tương đương với các năm trước đây, với giá trị 29,813 tỷ đồng. Năm 2021, hạng mục tài sản cố định của Công ty có mức suy giảm đáng kể khi chỉ chiếm xấp xỉ 18,7% trong cơ cấu và bằng 72,3% năm 2020.

CƠ CẤU TÀI SẢN DÀI HẠN

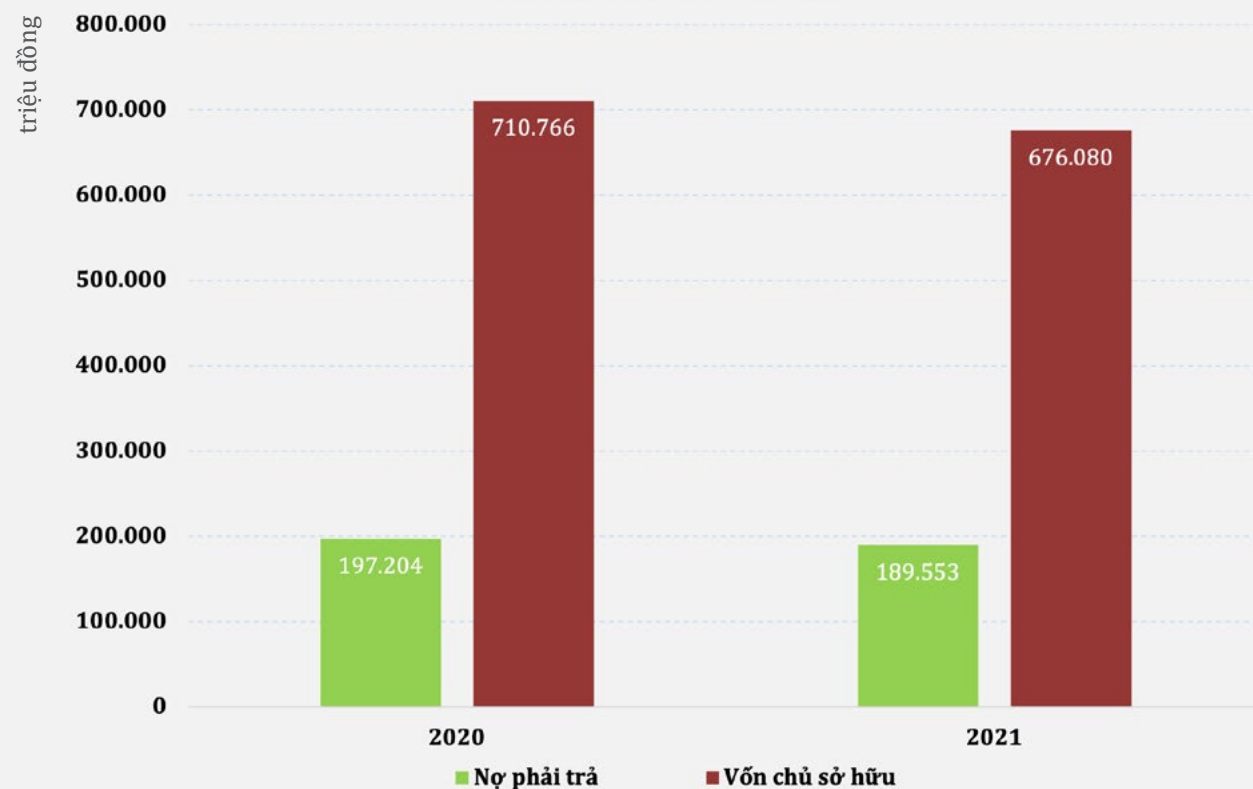


Tình hình Nguồn vốn

ĐVT: triệu đồng

Cơ cấu Nguồn vốn	Năm 2020		Năm 2021		%2021/2020
	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	
Nợ phải trả	197.204	21,72%	189.553	21,90%	96,12%
Vốn chủ sở hữu	710.766	78,28%	676.080	78,10%	95,12%
Tổng cộng	907.970	100%	865.633	100%	95,34%

CƠ CẤU NGUỒN VỐN



Năm 2021, tỷ trọng trong cơ cấu nguồn vốn của BBCC vẫn duy trì như các năm trước đây. Trong năm qua, nợ phải trả của Công ty còn 189,55 tỷ đồng, tương đương 96,12% so với năm 2020, chiếm 21,9% tổng nguồn vốn. Các khoản mục được BBCC giảm bao gồm thuế và các khoản phải nộp và phải trả người lao động. Công ty tiếp tục không có nợ dài hạn.

Vốn chủ sở hữu: Nguồn vốn chủ sở hữu của BBCC giảm nhẹ trong năm qua với 4,88%, còn 676,08 tỷ đồng. Trong đó, lợi nhuận sau thuế sau khi trích lập các quỹ năm 2021 giảm 29,5% còn 120,2 tỷ đồng.





NHỮNG CẢI TIẾN TRONG NĂM

BBCB đã thực hiện chính sách tinh gọn lao động, từng bước gọn nhẹ bộ máy nhưng không làm giảm hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh và phù hợp với yêu cầu quản trị của Công ty cổ phần. Phòng Tổ chức thường xuyên rà soát nắm bắt tình hình, số lượng lao động tại tất cả các bộ phận chuyên môn, nghiệp vụ, tổ, đội sản xuất để tham mưu bố trí, điều chuyển lao động một cách hợp lý, hài hòa. Đặc biệt trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ, để đảm bảo hoạt động của Công ty được liên tục, Phòng Tổ chức đã phối hợp với các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc tham mưu sắp xếp, bố trí nhân lực thực hiện phương án “03 tại chỗ” trong thời gian giãn cách, cũng như khi chuyển sang giai đoạn bình thường mới một cách chặt chẽ, linh hoạt theo đúng quy định của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Y tế Đồng Nai, đảm bảo cho hoạt động sản xuất-kinh doanh trong toàn Công ty được duy trì ổn định, hiệu quả.

Công ty tiếp tục tập trung nâng cao chất lượng công tác bảo trì, bảo dưỡng, đảm bảo máy móc, thiết bị hoạt động ổn định và không ngừng cải tiến, nâng cấp thiết bị nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, chất lượng sản phẩm và sử dụng máy móc, thiết bị một cách hiệu quả nhằm tiết kiệm nhiên liệu để bảo vệ môi trường.

Với phương châm “Chất lượng, hiệu quả cao nhất là mục tiêu sống còn của BBCB”, vì vậy trong thời kỳ khoa học công nghệ ngày càng phát triển, Công ty tăng cường áp dụng các sáng kiến, cải tiến kỹ thuật, hoặc ứng dụng những công nghệ tiên tiến vào hoạt động sản xuất để tăng năng suất, nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, phát huy hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm từ Công ty đến các đơn vị sản xuất, đảm bảo tất cả các sản phẩm sản xuất ra đều phải được kiểm soát chặt chẽ, thường xuyên cải tiến hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001:2015. Ngoài ra, các sản phẩm đá dăm 5-10, 5-20 và 5-40 (cốt liệu lớn dùng cho cấp bê tông cao hơn B30) được sản xuất tại các mỏ đá do Công ty quản lý đã được Trung tâm Kỹ thuật Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng 3 chứng nhận phù hợp QCVN 16:2019/BXD - Quy chuẩn Kỹ thuật quốc gia về sản phẩm, hàng hóa vật liệu xây dựng.



KẾ HOẠCH PHÁT TRIỂN TRONG TƯƠNG LAI

👍 Thuận lợi

👎 Khó khăn

- ▶ Theo nhận định tình hình chung, trong năm 2022 thị trường xây dựng và vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai và các khu kinh tế trọng điểm phía Nam sẽ ổn định nếu kiểm soát được dịch bệnh Covid-19.
- ▶ Các dự án xây dựng hạ tầng giao thông trọng điểm sẽ được tỉnh Đồng Nai tập trung đầu tư như: đường trục trung tâm thành phố Biên Hòa, đường ven sông Cái, đường vành đai 3 và các dự án đường cao tốc TP.HCM - Long Thành - Dầu Giây, các tuyến đường kết nối sân bay Long Thành tiếp tục được triển khai, đầu tư phát triển.
- ▶ Đây là thời cơ thuận lợi cho các doanh nghiệp thuộc ngành xây dựng và vật liệu xây dựng có điều kiện phát triển.

- ▶ Trong năm 2022, hoạt động sản xuất- kinh doanh của Công ty sẽ tiếp tục gặp rất nhiều khó khăn do ảnh hưởng bởi dịch bệnh Covid-19, nhất là biến thể Omicron có tốc độ lây nhanh hơn nhiều lần so với biến thể Delta, cộng với những điều chỉnh của Nhà nước đối với các chính sách có liên quan như: phí bảo vệ môi trường, thuế tài nguyên, tiền thuê đất tăng... Trong đó, khó khăn lớn nhất là trong quý 2/2022 Công ty phải nộp bổ sung tiền cấp quyền khai thác khoáng sản giai đoạn từ năm 2014 đến 2021 (số tiền: 270.428.101.331 đồng) do Tỉnh điều chỉnh cách tính so với trước đây, đó là bổ sung hệ số quy đổi giá tính thuế tài nguyên từ nguyên khai sang nguyên khối theo hệ số nở rời 1,475 cho (giai đoạn 2014-2017), cùng với giá tính thuế tài nguyên là 125.000 đ/m³ tại thời điểm 1/1/2014 (trước đây chỉ tính 85.000 đồng/m³), kết hợp sử dụng các thông số trữ lượng và thời gian khai thác còn lại theo các giấy phép còn hiệu lực để tính ngay tại thời điểm 1/1/2014 đến khi có giấy phép điều chỉnh mới.
- ▶ Bên cạnh đó, tình hình thời tiết, mưa, bão được dự báo ngày càng diễn biến phức tạp và khó lường do tác động của biến đổi khí hậu, giá xăng dầu không ổn định, chỉ trong 03 tháng đầu năm 2022 liên Bộ Công thương, Bộ Tài chính đã 07 lần điều chỉnh tăng mạnh (mức tăng này được cho là vượt ngưỡng cao nhất được xác lập vào năm 2014) kéo theo giá các loại nguyên vật liệu đầu vào khác cũng tăng mạnh, những bất ổn của thế giới do ảnh hưởng từ cuộc chiến giữa Nga và Ukraine v.v... sẽ tác động rất lớn đến hoạt động sản xuất và hiệu quả kinh doanh của Công ty trong năm 2022.
- ▶ Vì vậy để tiêu thụ được sản phẩm theo kế hoạch đề ra, trong khi phương thức quản lý, yếu tố giá cả, tỷ trọng sản phẩm giữa các doanh nghiệp cùng ngành, nghề trên địa bàn rất khác biệt; chất lượng sản phẩm đá không đồng đều, giá nguyên liệu, vật tư, nhiên liệu, thiếu tính bình ổn sẽ là những thách thức rất lớn đối với Công ty.



Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022

Từ những khó khăn, thuận lợi nêu trên, Ban điều hành Công ty báo cáo và xin ý kiến Đại hội đồng cổ đông thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch thực hiện
1	Sản xuất sản phẩm đá các loại	m ³	5.270.000
	Tiêu thụ sản phẩm đá các loại	m ³	5.300.000
2	Doanh thu thuần, trong đó:	đồng	821.426.000.000
	- Tiêu thụ sản phẩm đá	đồng	788.917.000.000
	- Tiêu thụ sản phẩm đất	đồng	17.750.000.000
	- Kinh doanh VLXD	đồng	4.759.000.000
	- Giao thông và xây dựng	đồng	10.000.000.000
3	Lợi nhuận trước thuế	đồng	(120.000.000.000)



Biện pháp triển khai thực hiện

Để tổ chức thực hiện đạt kết quả tốt nhất trong năm 2022, trong đó xác định nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu là tập trung điều hành giảm lỗ thấp nhất có thể do ảnh hưởng bởi việc phải nộp bổ sung tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo quyết định của UBND tỉnh Đồng Nai, Ban điều hành Công ty xác định những biện pháp, giải pháp trọng tâm tiếp tục tập trung triển khai thực hiện trong năm 2022 như sau:

- Tiếp tục phát huy các giải pháp đã thực hiện về công tác tổ chức, sắp xếp, bố trí lao động; công tác quản trị sản xuất, quản trị kinh doanh, quản trị chất lượng, thương hiệu; công tác kỹ thuật, sửa chữa mà Công ty triển khai thực hiện đạt kết quả tốt trong năm 2021.
- Tiếp tục thực hiện tốt công tác kiểm soát quá trình sản xuất- kinh doanh nhằm đạt các mục tiêu, yêu cầu về tiết kiệm trong khâu bốc đất tầng phủ, khoan- nổ mìn, sử dụng điện năng, nhiên liệu, sửa chữa, thay thế vật tư, phụ tùng; quản lý việc điều động, bố trí xe máy tại các xí nghiệp khoa học, hiệu quả v.v., đảm bảo cơ cấu giá thành sản phẩm hợp lý để tăng khả năng cạnh tranh với các doanh nghiệp hoạt động cùng lĩnh vực. Đồng thời, thực hiện khai thác tiết kiệm tài nguyên khoáng sản, hướng đến phát triển bền vững.

Song song đó, tập trung thực hiện các công tác trọng tâm có liên quan như:



Rà soát, xin chủ trương Hội đồng quản trị thanh lý những máy móc, thiết bị hết khấu hao, hoặc giá trị còn lại ít, thường xuyên hư hỏng, hoạt động kém hiệu quả. Mặt khác, đánh giá năng lực vận chuyển, nhu cầu các xe máy, thiết bị chủ lực v.v. khi thật sự cần thiết sẽ xin chủ trương Hội đồng quản trị phân kỳ thực hiện đầu tư một cách hợp lý, nhằm kịp thời bổ sung, đảm bảo năng lực phục vụ sản xuất ổn định, kịp thời tăng tốc, đón đầu khi các dự án lớn tại khu vực, các đường kết nối cùng nhà ga sân bay Long Thành triển khai (trọng tâm trong năm 2022 là xin chủ trương phân kỳ đầu tư 28 xe tải ben mới để thay thế 08 xe đã hết niên hạn sử dụng vào cuối năm 2021 và 20 xe hết niên hạn vào cuối năm 2022).



Thường xuyên rà soát, hoàn tất thủ tục thuê đất đối với những diện tích đền bù đầy đủ hồ sơ pháp lý theo quy định; đồng thời xin chủ trương Hội đồng quản trị tiếp tục thực hiện đền bù mở rộng, đền bù hoàn chỉnh phần diện tích còn lại tại các mỏ đá trực thuộc.

- Tăng cường bám sát thực tế, gắn với thực hiện chỉ đạo điều hành tổ chức các hoạt động sản xuất kinh doanh minh bạch, kịp thời rà soát, điều chỉnh giá bán đất, đá linh hoạt, hợp lý, hiệu quả; kết hợp đẩy mạnh tối đa khối lượng đá tiêu thụ khi thị trường tăng tốc, nhằm bù đắp, hạn chế thấp nhất những ảnh hưởng, nhất là giảm lỗ do việc nộp bổ sung tiền cấp quyền khai thác khoáng sản trong năm 2022. Qua đó, duy trì niềm tin của quý cổ đông, cùng chia sẻ, đồng hành với những khó khăn phát sinh của Công ty, cùng cộng đồng trách nhiệm, đảm bảo hài hòa lợi ích của tất cả các cổ đông và người lao động Công ty, cũng như việc tuân thủ các chính sách, quy định của Nhà nước. Tổ chức ghi nhận và hạch toán kế toán, lập báo cáo tài chính rõ ràng, chính xác, kịp thời, thực hiện cân đối tài chính phù hợp với nhu cầu thực tế tại Công ty và đúng quy định của pháp luật.
- Tiếp tục xác định lực lượng lao động Công ty là nguồn lực quan trọng nhất nhằm triển khai thực hiện có hiệu quả các biện pháp, giải pháp, chương trình, kế hoạch Công ty đề ra. Vì vậy, Công ty tiếp tục nghiên cứu, thực hiện đào tạo, bồi dưỡng các chương trình nghiệp vụ nâng cao, hoàn thiện chất lượng nguồn nhân lực Công ty; gắn với tiếp tục cải thiện môi trường làm việc, chất lượng cuộc sống, các chế độ phúc lợi, thu nhập người lao động, nhằm tăng cường gắn bó lâu dài với Công ty, duy trì sự ổn định về bộ máy tổ chức của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.
- Tiếp tục nâng cao thương hiệu BBCC về mọi mặt, thực hiện chính sách khách hàng cởi mở, hài hòa, linh hoạt, cùng hợp tác phát triển bền vững; tiếp tục bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu, duy trì và hướng đến nâng cao giá trị cổ phiếu VLB sau giai đoạn phục hồi.

BÁO CÁO TRÁCH NHIỆM VỚI MÔI TRƯỜNG VÀ XÃ HỘI

Công tác đảm bảo an toàn lao động, phòng chống cháy nổ được Ban Giám đốc Công ty đặc biệt quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo, hiện chặt chẽ, từ việc hợp đồng với đơn vị có chức năng huấn luyện an toàn lao động cho CBCNV đến công tác xây dựng kế hoạch, đánh giá về nguy cơ rủi ro. Ngoài ra, BBCC thường xuyên kiểm tra định kỳ về an toàn vệ sinh lao động, về thực hiện nghiệp vụ phòng cháy chữa cháy, thực hiện phương án bảo vệ, giữ gìn tài sản Công ty. Bên cạnh đó, Ban Giám đốc Công ty còn chỉ đạo cán bộ, lực lượng chuyên trách thường xuyên đeo bám thực tế để kiểm tra, giám sát, nhắc nhở người lao động nâng cao ý thức tự bảo vệ cá nhân, bảo vệ đơn vị, nhờ đó công tác an toàn lao động trong năm 2021 luôn được đảm bảo và duy trì tốt.

Công ty cam kết triển khai và thực hiện công tác bảo vệ môi trường, tuân thủ pháp luật bảo vệ môi trường đối với tất cả cán bộ công nhân viên trong quá trình làm việc tại Công ty. Bên cạnh đó, Công ty cũng bảo đảm đào tạo chuyên ngành, chăm lo sức khỏe và khuyến khích nhân viên làm việc, phản hồi và chia sẻ nguyện vọng hay đóng góp các ý kiến đổi mới; đảm bảo việc làm và duy trì ổn định mức thu nhập.

Công ty luôn hướng đến các hoạt động vì cộng đồng - xã hội, là một trong những yếu tố cốt lõi cho sự phát triển bền vững của doanh nghiệp, luôn đặt phương châm gắn trách nhiệm xã hội trong hoạt động sản xuất kinh doanh, góp phần lan tỏa, tạo nên các mối liên kết quan trọng với cộng đồng nơi doanh nghiệp hoạt động.





4 | Báo cáo của Hội đồng quản trị

Đánh giá các mặt hoạt động của Công ty

Đánh giá các mặt hoạt động của Ban Giám đốc

Kế hoạch & định hướng của Hội đồng quản trị



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị đã nghiêm túc triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và theo dõi sát sao tình hình thực tế của Công ty để đề ra các Nghị quyết, quyết định phù hợp và kịp thời. Định kỳ, Hội đồng quản trị tổ chức các buổi họp để đánh giá, chỉ đạo và quản lý, giám sát các hoạt động của Công ty đảm bảo theo quy định của Điều lệ. Hội đồng quản trị luôn tôn trọng nguyên tắc làm việc, chủ động trao đổi, phối hợp, lắng nghe ý kiến và giải quyết công việc thuộc chức trách của Hội đồng quản trị trong thời gian nhanh nhất.

STT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2021	Kế hoạch năm 2021	%Thực hiện/Kế hoạch năm 2021
1	Tổng Vốn CSH bình quân	Triệu đồng	470.000	-	-
2	Doanh thu thuần	Triệu đồng	941.952	908.136	103,72%
4	Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	201.695	150.000	134,46%
5	Lợi nhuận sau thuế	Triệu đồng	161.229	120.000	134,36%

Trong bối cảnh đối diện với nhiều khó khăn từ thị trường, tình hình dịch bệnh Covid-19, nhưng với nhiều biện pháp, giải pháp về công tác tổ chức, sắp xếp, bố trí lao động, công tác quản trị sản xuất-kinh doanh, quản lý chất lượng, thương hiệu và công tác kỹ thuật, sửa chữa, tổ chức thực hiện và kiểm tra giám sát đồng bộ, hiệu quả cùng với sự lao động miệt mài của cán bộ - công nhân viên, nhất là CB-CNV lao động tham gia phương án “03 tại chỗ” trong thời gian giãn cách xã hội, đã góp phần quan trọng giúp Công ty vượt qua khó khăn chung của thị trường, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu trong năm 2021, trong đó lợi nhuận sau thuế đạt 161.229 triệu đồng và vượt 34,4% so với kế hoạch, kết quả đạt được phản ánh sự quyết tâm, đồng lòng của tập thể CB-CNV, từ những công nhân trực tiếp sản xuất đến lao động gián tiếp tại các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc và bộ phận chuyên viên, tham mưu khối Văn phòng Công ty; sự đồng thuận,

đoàn kết vì mục tiêu, nhiệm vụ chung của tập thể Ban điều hành, Hội đồng quản trị Công ty, đồng thời tiếp tục khẳng định vị thế BBCC trong lĩnh vực sản xuất vật liệu xây dựng, góp phần nâng cao giá trị cổ phiếu VLB và đáp ứng lợi ích cổ đông, lợi ích khách hàng, đối tác và quyền lợi của người lao động.



ĐÁNH GIÁ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Hội đồng quản trị thực hiện công tác giám sát hoạt động của Giám đốc và các Thành viên điều hành khác trong Công ty theo đúng quy định của pháp luật và Điều lệ công ty. Chủ tịch HĐQT tham gia hội ý đầu tuần với Ban điều hành, tham gia họp giao ban định kỳ tại Công ty để kịp thời kiểm tra, chỉ đạo, đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ luật pháp, thực hiện đúng nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, các nghị quyết của Hội đồng quản trị và các quy chế, quy định nội bộ của Công ty. Trong năm 2021, do tác động của dịch bệnh Covid-19, nền kinh tế nói chung, ngành vật liệu xây dựng và BBCC nói riêng phải đối mặt với nhiều khó khăn, thách thức, nhưng với những biện pháp, giải pháp quyết liệt, đồng bộ được Ban điều hành triển khai thực hiện linh hoạt trong thời gian thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16 của Thủ tướng Chính phủ, cũng như khi chuyển sang giai đoạn bình

thường mới đã giúp Công ty thực hiện tốt “mục tiêu kép”, vừa phòng chống dịch có hiệu quả, đồng thời đảm bảo duy trì hoạt động sản xuất-kinh doanh ổn định.

Ban điều hành thường xuyên báo cáo tình hình quản trị, điều hành Công ty, xin ý kiến chỉ đạo, định hướng của Hội đồng quản trị; tổ chức thực hiện công bố thông tin về tình hình hoạt động Công ty đúng quy định của pháp luật; đã điều hành, triển khai và tổ chức thực hiện các phương án sản xuất kinh doanh phù hợp với thực tế tình hình thị trường, đặc biệt đã tập hợp, phát huy được sức mạnh nội lực, sự đồng thuận, lao động sáng tạo, siêng năng, cần cù của mọi thành viên trong Công ty. Qua đó, thực hiện hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua.



KẾ HOẠCH & ĐỊNH HƯỚNG CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kế hoạch nhiệm vụ về công tác quản trị

- ▶ Chỉ đạo Ban điều hành tiếp tục triển khai rà soát, sắp xếp, bố trí lao động theo hướng ngày càng tinh gọn, không ngừng nâng cao năng suất lao động toàn Công ty.
- ▶ Tiếp tục quản lý, tập trung nguồn lực cho ngành nghề sản xuất kinh doanh chính của Công ty là khai thác đá. Trong đó, thường xuyên tiến hành phân tích, đánh giá nhu cầu của khách hàng để có kế hoạch điều chỉnh sản xuất các loại sản phẩm, ưu tiên sản xuất những chủng loại sản phẩm có giá trị cao, thị trường cần, giảm tỷ lệ phụ phẩm, tiết kiệm tài nguyên và tăng hiệu quả kinh tế, xây dựng chính sách bán hàng linh hoạt, gia tăng thị phần khách hàng truyền thống, tăng doanh số khách hàng chiến lược, đảm bảo cung cấp sản phẩm đến khách hàng đúng tiến độ, số lượng và chất lượng phù hợp với yêu cầu của khách hàng; chủ động nguồn nguyên liệu, nâng cao quản lý công nghệ, kỹ thuật nhằm sản xuất sản phẩm đạt quy chuẩn, chất lượng tốt, giá cả hợp lý, tạo thế cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành nghề.
- ▶ Tiếp tục theo dõi sát sao tình hình, diễn biến của thị trường vật liệu xây dựng, tình hình triển khai những dự án trọng điểm về hạ tầng giao thông tại các khu vực là thị trường tiêu thụ chủ lực sản phẩm đá của Công ty; kết hợp bám sát hoạt động của các xí nghiệp, đơn vị trực thuộc để có kế hoạch phân kỳ đầu tư hợp lý máy móc, thiết bị, nhằm nâng cao năng lực sản xuất, cung cấp đủ sản phẩm cho khách hàng khi nhu cầu của thị trường tăng mạnh; đồng thời tăng cường tìm kiếm công trình thi công hạ tầng giao thông phù hợp với năng lực của Công ty, vừa tạo việc làm cho Xí nghiệp Công trình Giao thông và Xây dựng, vừa tăng cường tiêu thụ sản phẩm đá cũng như tăng doanh thu hoạt động của Công ty.
- ▶ Song song đó, tăng cường hỗ trợ, tạo điều kiện thuận lợi nhất để Ban điều hành Công ty triển khai thực hiện hiệu quả các biện pháp, giải pháp điều hành, tổ chức sản xuất kinh doanh; tổ chức kiểm soát chặt chẽ chi phí và các quá trình sản xuất kinh doanh từ khâu đầu đến khâu cuối; tiếp tục hoàn thiện công tác quản trị nguồn nhân lực, gắn với tăng cường phát huy thế mạnh về thương hiệu, linh hoạt ứng phó, vượt qua những khó khăn, thách thức trong năm 2022.
- ▶ Tiếp tục quản lý, giám sát thực hiện tốt các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường để phục vụ các yêu cầu, mục tiêu phát triển bền vững trong ngành khai thác khoáng sản.



5| Quản trị công ty

Hội đồng quản trị

Ban Kiểm soát

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích

VIỆT NAM QUANG VINH MUÔN NĂM



HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Danh sách thành viên Hội đồng quản trị (tại ngày 31/12/2021)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Huỳnh Xuân Đạo	Chủ tịch HĐQT	9.401.000	20,00%
2	Ông Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT Giám đốc công ty	5.230.000	11,13%
3	Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT	5.176.800	11,01%
4	Ông Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên HĐQT không điều hành	-	-
5	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT không điều hành	-	-

Lý lịch thành viên Hội đồng quản trị: xem nội dung ở trang 30



Các hoạt động của Hội đồng Quản trị

Trong năm 2021, Hội đồng quản trị luôn thống nhất, đồng thuận và tập trung cao nhất trong việc thực hiện quyền và nhiệm vụ theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty; nghiêm túc triển khai thực hiện các chỉ tiêu, nhiệm vụ mà Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 đã thông qua; luôn theo dõi sát sao tình hình diễn biến thị trường, diễn biến kinh tế- xã hội của đất nước, công tác đầu tư và giải ngân vốn ngân sách đối với lĩnh vực hạ tầng giao thông; về tình hình, diễn biến dịch bệnh Covid- 19 v.v.; Đồng thời, luôn sâu sát với thực tế hoạt động của Công ty để kịp thời đề ra nghị quyết, quyết định, những định hướng lãnh đạo, chỉ đạo hợp lý, hiệu quả trong từng giai đoạn cụ thể, cũng như quản lý và giám sát chặt chẽ các hoạt động của Công ty.

Hội đồng quản trị đã xem xét cẩn trọng và thống nhất thông qua nhiều vấn đề quan trọng của Công ty nhằm thực hiện hoàn thành tốt nhất các mục tiêu mà Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 đã đề ra. Cụ thể, Hội đồng quản trị đã tổ chức 04 phiên họp, 01 lần lấy ý kiến các thành viên Hội đồng quản trị bằng văn bản để xem xét, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng quản trị. Qua đó, ban hành 14 nghị quyết và 07 quyết định về các vấn đề liên quan như:

- Xem xét, thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021 trình ĐHĐCĐ;
- Thông qua đơn giá sản phẩm dở dang, kế hoạch thưởng Tết Nguyên đán 2021;
- Thông qua quyết toán tiền lương, thù lao thực hiện năm 2020, kế hoạch 2021;
- Các nội dung chuẩn bị trình ĐHĐCĐ thường niên;
- Miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty nhiệm kỳ 2020- 2025;
- Miễn nhiệm, bổ nhiệm và bổ nhiệm lại các chức danh trong Ban điều hành;
- Sửa đổi, ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty;
- Xem xét thông qua phương án mua lại cổ phiếu ưu đãi của người lao động nghỉ việc trước thời hạn;
- Thông qua chủ trương đền bù, nhận chuyển nhượng đất để mở rộng diện tích khai thác;
- Chi trả cổ tức năm 2020.



Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự họp
1	Huỳnh Xuân Đạo	Chủ tịch HĐQT	4/4	100%	-
2	Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT Giám đốc công ty	4/4	100%	-
3	Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT	4/4	100%	-
4	Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên HĐQT	4/4	100%	-
5	Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT	4/4	100%	-

Trong năm 2021, HĐQT đã đưa ra các nghị quyết, quyết định sau:

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung	Tỷ lệ thông qua
I	Nghị quyết			
1	07/NQ-HĐQT	18/1/2021	Thông qua báo cáo của Ban điều hành Công ty về kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và kết quả sản xuất- kinh doanh năm 2020.	100%
			Thông qua chủ trương về áp dụng đơn giá sản phẩm dở dang năm 2021.	100%
			Thông qua kế hoạch khen thưởng năm 2020 (tết Tân Sửu 2021).	100%
2	08/NQ-HĐQT	2/4/2021	Thông qua kế hoạch sản xuất kinh doanh trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.	100%
3	09/NQ-HĐQT	2/4/2021	Gia hạn thời gian tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.	100%

4	10/NQ-HĐQT	2/4/2021	Thông qua phương án mua lại cổ phiếu ưu đãi của người lao động nghỉ việc trước thời hạn.	100%
5	11/NQ-HĐQT	2/4/2021	Thông qua báo cáo của Ban điều hành Công ty về kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và kết quả sản xuất - kinh doanh quý 1/2021 và kế hoạch quý 2/2021.	100%
			Thông qua quyết toán Quỹ tiền lương người lao động; Quỹ tiền lương, thù lao thực hiện của người quản lý và Quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020.	100%
			Thông qua Quỹ tiền lương kế hoạch; Quỹ khen thưởng, phúc lợi người lao động; Quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch, Quỹ thưởng của người quản lý Công ty năm 2021.	100%
			Thông qua chủ trương đền bù, nhận chuyển nhượng 348 m ² đất (hộ ông Lê Văn Chín) tại mỏ đá Thạnh Phú 1.	100%
6	12/NQ-HĐQT	11/5/2021	Thông qua chủ trương đền bù, nhận chuyển nhượng 638,5 m ² đất (hộ ông Võ Văn Nhị) tại mỏ đá Thạnh Phú 1.	100%
7	13/NQ-HĐQT	25/5/2021	Thông qua chương trình, nội dung, tài liệu trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021.	100%, riêng tỷ lệ chia cổ tức năm 2020 có 3/5 thành viên HĐQT thông qua

8	14/NQ-HĐQT	23/7/2021	Thông qua kết quả thực hiện các Nghị quyết HĐQT, kết quả sản xuất kinh doanh quý II, 6 tháng đầu năm 2021 và kế hoạch quý III/2021.	100%
9	15/NQ-HĐQT	23/7/2021	Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền.	100%
10	16/NQ-HĐQT	23/7/2021	Miễn nhiệm chức vụ Quyền Giám đốc và Phó Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.	100%
11	17/NQ-HĐQT	23/7/2021	Miễn nhiệm và bầu Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.	100%
12	18/NQ-HĐQT	23/7/2021	Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại Giám đốc, Phó Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa	100%
13	19/NQ-HĐQT	10/11/2021	Thông qua báo cáo của Ban điều hành Công ty về kết quả triển khai thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và kết quả sản xuất - kinh doanh 9 tháng và kế hoạch quý IV/2021.	100%
			Thông qua nội dung phân công nhiệm vụ đối với các thành viên HĐQT Công ty.	100%
			Thông qua việc bổ nhiệm ông Nguyễn Hùng Thắng- Phó Giám đốc Công ty, kiêm giữ chức vụ Người phụ trách quản trị Công ty.	100%
			Thông qua việc sửa đổi, ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty.	100%

14	20/NQ-HĐQT	10/11/2021	Thông qua chủ trương đền bù, nhận chuyển nhượng đất để mở rộng khu vực khai thác mỏ đá Thạnh Phú 1.	100%
II	Quyết định			
1	08/QĐ-HĐQT	23/7/2021	Miễn nhiệm Quyền Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.	
2	09/QĐ-HĐQT	23/7/2021	Miễn nhiệm Phó Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.	
3	10/QĐ-HĐQT	23/7/2021	Bổ nhiệm Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.	
4	11/QĐ-HĐQT	23/7/2021	Bổ nhiệm lại Phó Giám đốc Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.	
5	12/QĐ-HĐQT	23/7/2021	Thay đổi, bổ sung Người đại diện theo pháp luật của Công ty cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa (lập thủ tục thay đổi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp).	
6	13/QĐ-HĐQT	10/11/2021	Bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.	
7	14/QĐ-HĐQT	10/11/2021	Ban hành Quy chế công bố thông tin của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất VLXD Biên Hòa.	

BAN KIỂM SOÁT

Danh sách thành viên Ban Kiểm soát (tại ngày 31/12/2021)

STT	Thành viên	Chức vụ	Số lượng CP sở hữu	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Huỳnh Đường Tài	Trưởng Ban Kiểm Soát	5.040	0,011%
2	Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Thành viên BKS	-	-
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	Thành viên BKS	3.290.000	7,00%

Lý lịch thành viên Ban Kiểm soát: xem nội dung ở trang 31

Các cuộc họp của Ban Kiểm soát

STT	Thành viên	Chức vụ	Số buổi họp	Lý do không tham dự họp
1	Ông Huỳnh Đường Tài	Trưởng Ban kiểm soát	2/2	-
2	Bà Huỳnh Huy Anh Thư	Kiểm soát viên	1/2	Miễn nhiệm từ ngày 16/6/2021
3	Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Kiểm soát viên	2/2	-
4	Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	Kiểm soát viên	1/2	Bổ nhiệm từ ngày 16/6/2021



Hoạt động giám sát của BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc và Ban quản lý Công ty trong năm 2021

- Hội đồng quản trị đã tổ chức các cuộc họp, ban hành các Nghị quyết, các Quyết định kịp thời cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, tuân thủ đầy đủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ tổ chức hoạt động của Công ty, thực hiện tốt vai trò chỉ đạo, giám sát chặt chẽ và hỗ trợ kịp thời cho Ban giám đốc điều hành tốt hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Trong năm 2021, Ban giám đốc luôn theo dõi sát sao tình hình, diễn biến dịch bệnh Covid- 19, thực hiện việc quản lý, điều hành một cách hợp lý, đúng pháp luật, phù hợp với tình hình kinh doanh của đơn vị và sự biến động của thị trường.
- Qua công tác giám sát trong năm 2021, Ban kiểm soát nhận thấy Hội đồng quản trị và Ban giám đốc đã thực hiện công tác quản lý, điều hành Công ty một cách có hiệu quả, giúp Công ty hoàn thành tốt kế hoạch sản xuất kinh doanh, đảm bảo quyền lợi của cổ đông và người lao động.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Ban kiểm soát tham dự đầy đủ các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thảo luận và tham gia ý kiến về các vấn đề được đưa ra và thông qua tại cuộc họp. Thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo được gửi đến Ban kiểm soát đầy đủ, kịp thời và đúng quy định.
- Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và các cán bộ quản lý khác thường xuyên hỗ trợ, đã tạo mọi điều kiện để Ban kiểm soát thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ của mình.
- Hội đồng quản trị luôn đề cao công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát và cân nhắc các ý kiến đóng góp của Ban kiểm soát. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc luôn phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát trong công tác kiểm tra, giám sát, từ đó góp phần hoàn thành tốt công tác quản trị của Công ty.
- Trong năm 2021, Ban kiểm soát không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại của cổ đông về hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban giám đốc.

Đánh giá của BKS về kết quả hoạt động SXKD

Các chỉ tiêu chủ yếu mà Công ty thực hiện năm 2021 đều vượt so với Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021 giao. Mặc dù doanh thu thuần chỉ vượt 04% nhưng lợi nhuận sau thuế vượt gần 34,36% so với kế hoạch, điều này cho thấy sự hiệu quả trong công tác quản lý điều hành của Hội đồng quản trị và Ban điều hành Công ty.





Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

ĐVT: đồng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Lương	Thù lao	Thưởng
Hội đồng quản trị					
1	Ông Huỳnh Xuân Đạo	Chủ tịch HĐQT	500.909.091	94.182.000	159.000.000
2	Ông Huỳnh Kim Vũ	Thành viên HĐQT	639.090.909	73.818.000	222.000.000
3	Ông Nguyễn Quốc Phòng	Thành viên HĐQT		168.000.000	259.000.000
4	Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên HĐQT		168.000.000	259.000.000
5	Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT		168.000.000	
Ban kiểm soát					
1	Ông Huỳnh Đường Tài	Trưởng BKS	600.000.000		168.000.000
2	Bà Huỳnh Huy Anh Thư	Thành viên BKS		57.750.000	
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc	Thành viên BKS		68.250.000	82.000.000
4	Bà Nguyễn Thị Thu Trà	Thành viên BKS		126.000.000	152.000.000
Ban điều hành					
1	Ông Huỳnh Xuân Đạo	Phó Giám đốc	470.909.091		155.000.000
2	Ông Huỳnh Kim Vũ	Giám đốc Công ty	421.818.182		121.000.000
3	Ông Nguyễn Hùng Thắng	Phó Giám đốc	907.272.727	36.000.000	260.430.110
4	Ông Nguyễn Xuân Việt	Phó Giám đốc	840.000.000		244.000.000
5	Ông Phạm Quốc Thái	Kế toán trưởng	840.000.000		267.000.000

Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của công ty

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Ông Huỳnh Xuân Đạo	Chủ tịch HĐQT	5.179.400 (cá nhân sở hữu: 9.400; đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu: 5.170.000)	11,02%	9.401.000 (cá nhân sở hữu: 1.000; đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu: 9.400.000)	20,00%	Cá nhân sở hữu bán 8.400 cổ phiếu; đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu tăng 4.230.000 cổ phiếu
2	Ông Huỳnh Kim Vũ	Giám đốc Công ty	9.455.040 (cá nhân sở hữu: 55.040; đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu: 9.400.000)	20,12%	5.230.000 (cá nhân sở hữu: 60.000; đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu: 5.170.000)	11,13%	Cá nhân sở hữu mua 4.960 cổ phiếu; đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu giảm 4.230.000 cổ phiếu
3	Bà Trần Thị Thanh Bình	Người có liên quan	29.840	0,063%	30.000	0,064%	Mua 160 cổ phiếu
4	Ông Nguyễn Hùng Thắng	Phó Giám đốc Công ty	36.640	0,078%	5.000	0,011%	Bán 31.640 cổ phiếu
5	Bà Lê Thụy Thùy Linh	Người có liên quan	1.500	0,003%	0	0%	Bán 1.500 cổ phiếu
6	Ông Phạm Quốc Thái	Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty	5.225.240 (cá nhân sở hữu: 55.240; đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu: 5.170.000)	11,12%	5.176.800 (cá nhân sở hữu: 6.800; đại diện phần vốn Nhà nước sở hữu: 5.170.000)	11,01%	Bán 48.440 ,cổ phiếu
7	Ông Huỳnh Đường Tài	Trưởng Ban kiểm soát	36.540	0,077%	5.040	0,011%	Bán 31.500 cổ phiếu
8	Ông Huỳnh Tiến Phong	Người có liên quan	2.800	0,006%	0	0%	Bán 2.800 cổ phiếu

6 | Báo cáo Tài chính Kiểm toán

Ý kiến của kiểm toán

Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2021

A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.

Head Office : 02 Trương Sơn St., Tân Bình Dist., Hồ Chí Minh City, Vietnam Tel: +84 (028) 3547 2972 kttv@a-c.com.vn
 Branch in Hà Nội : 40 Giảng Võ St., Đống Đa Dist., Hà Nội City, Vietnam Tel: +84 (024) 3736 7879 kttv.hn@a-c.com.vn
 Branch in Nha Trang : Lot STH06A.01, St. No.13, Lê Hồng Phong II Urban Area, Nha Trang City, Vietnam Tel: +84 (0258) 246 5151 kttv.nt@a-c.com.vn
 Branch in Cần Thơ : 15-13 Võ Nguyên Giáp St., Cái Rang Dist., Cần Thơ City, Vietnam Tel: +84 (0292) 376 4995 kttv.ct@a-c.com.vn



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA
 Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
 Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Số: 1.0530/22/TC-AC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
 CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Chúng tôi đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 19 tháng 01 năm 2022, từ trang 06 đến trang 33, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C



Hồ Văn Tùng - Phó Tổng Giám đốc
 Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0092-2018-008-1

Võ Thành Công - Kiểm toán viên
 Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 1033-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 3 năm 2022

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		503.846.526.708	509.891.570.533
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	376.351.994.905	321.457.500.938
1. Tiền	111		26.351.994.905	36.457.500.938
2. Các khoản tương đương tiền	112		350.000.000.000	285.000.000.000
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		50.000.000.000	120.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2	50.000.000.000	120.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		36.540.450.263	28.053.766.449
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	29.344.424.231	19.850.403.466
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.776.176.000	899.231.700
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	5.419.850.032	7.304.131.283
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		-	-
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140		27.851.294.121	39.753.473.527
1. Hàng tồn kho	141	V.7	28.029.624.914	39.860.761.140
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149	V.7	(178.330.793)	(107.287.613)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		13.102.787.419	626.829.619
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		145.567.500	72.783.750
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.14	12.957.219.919	554.045.869
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-



CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Số cuối năm	Số đầu năm
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200	361.786.578.028	398.078.237.176
I. Các khoản phải thu dài hạn	210	29.812.963.689	28.927.157.015
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212	-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213	-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214	-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b 29.812.963.689	28.927.157.015
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-
II. Tài sản cố định	220	67.630.080.856	93.550.892.695
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8 67.630.080.856	93.550.892.695
- Nguyên giá	222	542.244.979.482	546.845.623.961
- Giá trị hao mòn lũy kế	223	(474.614.898.626)	(453.294.731.266)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-
- Nguyên giá	225	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	-	-
- Nguyên giá	228	V.9 474.300.000	474.300.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229	(474.300.000)	(474.300.000)
III. Bất động sản đầu tư	230	-	-
- Nguyên giá	231	-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232	-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241	-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	-	-
1. Đầu tư vào công ty con	251	-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253	-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260	264.343.533.483	275.600.187.466
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.10 257.687.574.621	264.269.876.846
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263	V.11 6.655.958.862	11.330.310.620
4. Tài sản dài hạn khác	268	-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270	865.633.104.736	907.969.807.709

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		189.553.259.906	197.204.226.213
I. Nợ ngắn hạn	310		189.553.259.906	197.204.226.213
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	24.871.886.673	22.951.374.083
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	11.887.139.026	16.186.385.209
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	34.042.010.187	40.161.029.867
4. Phải trả người lao động	314	V.15	29.685.829.992	37.376.407.115
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	90.000.000	90.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.17	3.893.377.428	8.118.145.265
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.18	85.083.016.600	72.320.884.674
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		676.079.844.830	710.765.581.496
I. Vốn chủ sở hữu	410		676.079.844.830	710.765.581.496
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.19a, b	470.000.000.000	470.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		470.000.000.000	470.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412	V.19a	21.270.787.461	21.270.787.461
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415	V.19a	(3.872.124.000)	(3.437.784.000)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.19a	68.460.712.237	52.337.844.836
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.19a	120.220.469.132	170.594.733.199
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		105.106.999	170.594.733.199
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		120.115.362.133	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		865.633.104.736	907.969.807.709

Biên Hòa, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Nguyễn Ngọc Mai Phương
Người lậpPhạm Quốc Thái
Kế toán trưởngHuỳnh Kim Vũ
Giám đốc**CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA**

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	941.951.975.937	1.110.157.245.339
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		941.951.975.937	1.110.157.245.339
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	696.880.909.891	817.729.336.170
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		245.071.066.046	292.427.909.169
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	14.743.295.633	15.791.144.215
7. Chi phí tài chính	22		-	-
Trong đó: chi phí lãi vay	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.4	18.526.760.681	23.805.758.843
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.5	50.379.302.555	58.003.496.559
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		190.908.298.443	226.409.797.982
11. Thu nhập khác	31	VI.6	12.086.087.553	1.117.228.899
12. Chi phí khác	32	VI.7	1.298.972.874	79.683.512
13. Lợi nhuận khác	40		10.787.114.679	1.037.545.387
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		201.695.413.122	227.447.343.369
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.14	40.466.739.117	45.609.484.530
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		161.228.674.005	181.837.858.839
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8a, b	2.912	3.438
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.8a, b	2.912	3.438

Biên Hòa, ngày 19 tháng 01 năm 2022

Nguyễn Ngọc Mai Phương
Người lậpPhạm Quốc Thái
Kế toán trưởngHuỳnh Kim Vũ
Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		201.695.413.122	227.447.343.369
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8	25.856.502.614	28.933.364.432
- Các khoản dự phòng	03	V.7	71.043.180	(1.121.347.856)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3,6	(15.760.804.589)	(15.791.144.215)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		211.862.154.327	239.468.215.730
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(22.237.710.494)	48.789.934.981
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		16.505.487.984	10.204.298.796
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(16.772.569.127)	(15.964.580.240)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		6.509.518.475	(12.914.150.819)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.14	(44.107.268.223)	(38.030.687.784)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	V.18	31.835.000	27.089.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.18	(12.260.147.545)	(11.718.939.143)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		139.531.300.397	219.861.180.521
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		-	(1.584.308.100)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	VI.6	1.081.818.181	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(198.000.000.000)	(298.000.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		268.000.000.000	270.000.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.5a; VI.3	15.205.341.589	15.406.658.451
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		86.287.159.770	(14.177.649.649)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai


BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021


Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	V.19a	(434.340.000)	(442.890.000)
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19a	(170.489.626.200)	(93.649.720.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(170.923.966.200)	(94.092.610.000)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		54.894.493.967	111.590.920.872
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	321.457.500.938	209.866.580.066
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	376.351.994.905	321.457.500.938

Biên Hòa, ngày 19 tháng 01 năm 2022


 Nguyễn Ngọc Mai Phương
 Người lập


 Phạm Quốc Thái
 Kế toán trưởng


 Huỳnh Kim Vũ
 Giám đốc


CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Xây dựng và Sản xuất Vật liệu xây dựng Biên Hòa (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, thương mại và dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: sản xuất kinh doanh các loại vật liệu xây dựng: đá xây dựng, cát xây dựng, đất sét nguyên liệu sản xuất gạch ngói, đất san lấp mặt bằng, đất cấp phối giao thông; xây dựng các công trình giao thông, dân dụng, công nghiệp; đại lý tiêu thụ các loại vật liệu xây dựng, trang trí nội thất cao cấp, phụ tùng và thiết bị cơ giới; sản xuất bê tông nhựa nóng.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

6. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 671 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 686 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

3. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty là các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tổn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tổn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.

4. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Thành phẩm, chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân thời điểm và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong năm sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

6. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là chi phí thẩm dò mỏ đá bao gồm các chi phí phát sinh cho liên quan đến việc khai thác mở rộng mỏ đá. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp dựa trên sản lượng khai thác thực tế.

7. Tài sản thuê hoạt động

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	03 - 37
Máy móc và thiết bị	03 - 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	03 - 09
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 07
Tài sản cố định hữu hình khác	03

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Tài sản cố định vô hình của Công ty là chương trình phần mềm máy tính. Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng và chi phí nâng cấp nhằm nâng cao tính năng sử dụng phần mềm. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

10. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

11. Vốn chủ sở hữu**Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

13. Ghi nhận doanh thu và thu nhập***Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm***

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa, đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng qui định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

14. Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

15. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu chỉ có hàng bán bị trả lại phát sinh cùng năm tiêu thụ sản phẩm được điều chỉnh giảm doanh thu của năm phát sinh.

Trường hợp sản phẩm đã tiêu thụ từ các năm trước, đến năm nay mới phát sinh trả lại thì được ghi giảm doanh thu theo nguyên tắc:

- Nếu trả lại phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm nay.
- Nếu trả lại phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính của năm sau.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và qui định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

20. Công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm có tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến tài sản tài chính đó.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	672.363.000	1.705.339.000
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	25.679.631.905	34.752.161.938
Các khoản tương đương tiền (tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng)	350.000.000.000	285.000.000.000
Cộng	376.351.994.905	321.457.500.938

2. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn
Các khoản tiền gửi có kỳ hạn 6 tháng.**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải thu bên liên quan</i>	-	33.222.800
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	-	33.222.800
<i>Phải thu các khách hàng khác</i>	29.344.424.231	19.817.180.666
Công ty Cổ phần Xây dựng Phú Thành	-	419.139.378
Công ty TNHH Xây dựng công trình Hùng Vương	2.739.240.550	7.162.576.500
Công ty TNHH Đầu tư Nguyễn Minh	2.903.940.135	2.528.326.542
Công ty Cổ phần Đầu tư và Vật liệu Xây dựng Sài Gòn IMC	3.310.088.345	1.812.314.291
Công ty Cổ phần Sản xuất và Kinh doanh Vật liệu xây dựng BMT	4.268.806.873	1.705.307.376
Các khách hàng khác	16.122.348.328	6.189.516.579
Cộng	29.344.424.231	19.850.403.466

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Liên Đoàn Bán Đồ Địa Chất Miền Nam	1.100.000.000	-	-	-
Công ty TNHH TMDV Siêu thị Co.opmart Biên Hòa	456.072.000	-	692.967.900	-
Công ty TNHH MTV Địa chất Xây dựng Minh Thái	100.000.000	-	100.000.000	-
Các nhà cung cấp khác	120.104.000	-	106.263.800	-
Cộng	1.776.176.000	-	899.231.700	-

5. Phải thu khác**5a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Tạm ứng	685.808.000	-	2.128.000.000	-
Phải thu bảo hiểm xã hội, y tế	466.478.664	-	470.808.669	-
Phải thu bảo hiểm thất nghiệp	48.134.204	-	48.589.994	-
Lãi tiền gửi tại Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Đồng Nai	2.293.073.000	-	1.907.308.000	-
Lãi tiền gửi ngân hàng dự thu	1.536.356.164	-	2.384.167.120	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	390.000.000	-	365.257.500	-
Cộng	5.419.850.032	-	7.304.131.283	-

5b. Phải thu dài hạn khác

Khoản ký quỹ cải tạo, phục hồi môi trường các mỏ đá dài hạn. Chi tiết như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Mỏ Thạnh Phú 1	6.699.651.096	-	6.675.535.880	-
Mỏ Tân Cang 1	5.566.298.336	-	5.399.209.803	-
Mỏ Thiện Tân 2	8.082.774.426	-	7.573.742.612	-
Mỏ Soklu 2	5.554.368.266	-	5.554.368.266	-
Mỏ Soklu 5	3.909.871.565	-	3.724.300.454	-
Cộng	29.812.963.689	-	28.927.157.015	-

6. Nợ quá hạn

Công ty không có nợ phải thu quá hạn thanh toán hay không có khả năng thu hồi.

7. Hàng tồn kho

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	5.866.149.618	-	5.626.802.231	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	16.016.020.012	-	25.554.998.280	-
Thành phẩm	5.344.457.225	(178.330.793)	8.057.586.260	(107.287.613)
Hàng hóa	802.998.059	-	621.374.369	-
Cộng	28.029.624.914	(178.330.793)	39.860.761.140	(107.287.613)

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	107.287.613	1.228.635.469
Trích lập dự phòng bổ sung	113.904.134	-
Hoàn nhập dự phòng	(42.860.954)	(1.121.347.856)
Số cuối năm	178.330.793	107.287.613

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Cộng
Nguyên giá						
Số đầu năm	62.596.546.035	383.839.065.766	96.369.476.403	3.925.535.757	115.000.000	546.845.623.961
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.902.455.429)	(1.698.189.050)	-	-	(4.600.644.479)
Số cuối năm	62.596.546.035	380.936.610.337	94.671.287.353	3.925.535.757	115.000.000	542.244.979.482
Trong đó:						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	12.769.675.365	189.350.606.526	50.494.552.621	3.670.641.388	115.000.000	256.400.475.900
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
Giá trị hao mòn						
Số đầu năm	40.481.148.246	332.493.229.731	76.399.547.342	3.805.805.947	115.000.000	453.294.731.266
Khấu hao trong năm	2.976.007.934	15.711.600.307	7.083.150.504	85.743.869	-	25.856.502.614
Thanh lý, nhượng bán	-	(2.838.146.204)	(1.698.189.050)	-	-	(4.536.335.254)
Số cuối năm	43.457.156.180	345.366.683.834	81.784.508.796	3.891.549.816	115.000.000	474.614.898.626
Giá trị còn lại						
Số đầu năm	22.115.397.789	51.345.836.035	19.969.929.061	119.729.810	-	93.550.892.695
Số cuối năm	19.139.389.855	35.569.926.503	12.886.778.557	33.985.941	-	67.630.080.856
Trong đó:						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng.

10. Chi phí trả trước**10a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

Chi phí cước viễn thông

10b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí đền bù mỏ Thạnh Phú	56.574.769.790	55.097.981.974
Chi phí đền bù mỏ Soklu 2, Soklu 5	5.517.405.797	6.045.672.621
Chi phí đền bù mỏ Tân Cang	68.156.520.076	70.492.343.291
Chi phí bồi thường mỏ Thiện Tân 2	122.888.811.618	127.995.569.592
Chi phí lập đề án, thăm dò, bồi thường đất mỏ đá Đồi Chùa 2	2.279.247.710	2.279.247.710
Chi phí bồi thường thiệt hại môi trường	1.043.028.000	1.192.020.000
Chi phí hỗ trợ kinh phí sửa chữa nứt nhà hộ dân	1.096.541.630	1.129.541.658
Chi phí trả trước dài hạn khác	131.250.000	37.500.000
Cộng	257.687.574.621	264.269.876.846

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

11. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị vật tư, phụ tùng thay thế trên 1 năm chưa sử dụng.

12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH Nam Phong	5.164.952.540	3.762.057.310
Tổng công ty Kinh tế Kỹ thuật Công nghiệp Quốc Phòng	3.554.231.137	3.642.819.708
Công ty TNHH Rồng Việt	649.676.027	1.014.627.486
Các nhà cung cấp khác	15.503.026.969	14.531.869.579
Cộng	24.871.886.673	22.951.374.083

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công ty TNHH MTV Xuân Đào	44.458.747	1.209.477.079
Công ty TNHH MTV Thiện Khiêm	495.945.225	880.045.338
Các khách hàng khác	11.346.735.054	14.096.862.792
Cộng	11.887.139.026	16.186.385.209

14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	10.061.588.971	-	62.417.139.472	(64.952.051.493)	7.526.676.950	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	16.577.774.154	-	40.466.739.117	(44.107.268.223)	12.937.245.048	-
Thuế thu nhập cá nhân	-	554.045.869	5.391.822.307	(4.588.884.952)	248.891.486	-
Thuế tài nguyên	8.760.112.578	-	64.896.223.895	(65.254.266.477)	8.402.069.996	-
Tiền thuê đất	-	-	31.873.550.185	(44.830.770.104)	-	12.957.219.919
Phí bảo vệ môi trường	4.045.788.882	-	34.352.182.538	(34.414.370.201)	3.983.601.219	-
Phí cấp quyền khai thác khoáng sản	715.765.282	-	27.662.209.840	(27.434.449.634)	943.525.488	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	-	1.179.679.644	(1.179.679.644)	-	-
Tiền bảo vệ, phát triển đất trồng lúa	-	-	5.072.560.000	(5.072.560.000)	-	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	-	50.282.461	(50.282.461)	-	-
Thuế môn bài	-	-	9.000.000	(9.000.000)	-	-
Cộng	40.161.029.867	554.045.869	273.371.389.459	(291.893.583.189)	34.042.010.187	12.957.219.919

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Nước:	5%
- Sản phẩm khác:	10%

Thuế nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	201.695.413.122	227.447.343.369
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
• Các khoản điều chỉnh tăng	638.282.461	600.079.283
Thu nhập chịu/tính thuế	202.333.695.583	228.047.422.652
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	40.466.739.117	45.609.484.530

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các qui định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những qui định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Thuế tài nguyên

Công ty nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác theo Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 02 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế tài nguyên với đơn giá tính thuế và thuế suất như sau:

	Giá tính thuế (VND/m ³)	Thuế suất
- Đất san lấp	60.000	7%
- Đất phún sỏi	65.000	7%
- Đất gạch	150.000	15%
- Nước sinh hoạt	4.000	3%
- Nước sản xuất	7.000	8%
- Cát khai thác tuyển rửa trên bờ	272.000	15%
- Đá thành phẩm	Giá bán sản phẩm công nghiệp trừ chi phí chế biến phát sinh giai đoạn từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp (nhưng không được thấp hơn giá tính thuế do Ủy ban nhân dân tỉnh quy định)	10%

Tiền thuê đất

Công ty nộp tiền thuê đất theo thông báo của cơ quan thuế đối với diện tích và đơn giá thuê đất theo quyết định cho thuê đất và hợp đồng cho thuê đất.

Phí bảo vệ môi trường

Công ty phải nộp phí bảo vệ môi trường theo Nghị định số 164/2016/NĐ-CP ngày 24 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ về phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản với đơn giá như sau:

	VND/m ³	VND/tấn
- Đất gạch:	2.200	
- Đất san lấp:	2.200	
- Cát xây dựng:	4.400	
- Đá nguyên liệu:		3.003

Phí cấp quyền khai thác khoáng sản

Công ty nộp phí cấp quyền khai thác khoáng sản đối với các mỏ đá xây dựng theo quyết định của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai và thông báo của Cục thuế tỉnh Đồng Nai.

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

15. Phải trả người lao động

Quỹ tiền lương còn phải trả người lao động.

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

Chi phí dịch vụ mua ngoài phải trả.

17. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa phải trả	791.368.638	598.068.175
Công ty TNHH Xây dựng Đổ Lý - chi phí nhân công, vật tư, máy thi công phải trả	1.292.251.000	2.770.281.590
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.809.757.790	4.749.795.500
Cộng	3.893.377.428	8.118.145.265

Công ty không có nợ quá hạn chưa thanh toán.

18. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Tăng do trích lập từ lợi nhuận		Tăng khác	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận			
Quỹ khen thưởng	32.557.213.225	11.286.007.181	31.835.000	(3.799.210.000)	40.075.845.406
Quỹ phúc lợi	37.036.103.566	11.286.007.180	-	(5.733.369.662)	42.588.741.084
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	2.727.567.883	2.418.430.110	-	(2.727.567.883)	2.418.430.110
Cộng	72.320.884.674	24.990.444.471	31.835.000	(12.260.147.545)	85.083.016.600

19. Vốn chủ sở hữu**19a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu		Thặng dư vốn cổ phần		Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Thặng dư vốn cổ phần			
Số dư đầu năm trước	470.000.000.000	21.270.787.461	(2.994.894.000)	34.154.058.952	121.501.734.011	643.931.686.424	
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(442.890.000)	-	-	(442.890.000)	
Trích lập các quỹ	-	-	-	18.183.785.884	(39.095.139.651)	(20.911.353.767)	
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	181.837.858.839	181.837.858.839	
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	-	(93.649.720.000)	(93.649.720.000)	
Số dư cuối năm trước	470.000.000.000	21.270.787.461	(3.437.784.000)	52.337.844.836	170.594.733.199	710.765.581.496	
Số dư đầu năm nay	470.000.000.000	21.270.787.461	(3.437.784.000)	52.337.844.836	170.594.733.199	710.765.581.496	
Mua cổ phiếu quỹ	-	-	(434.340.000)	-	-	(434.340.000)	
Trích lập các quỹ	-	-	-	16.122.867.401	(41.113.311.872)	(24.990.444.471)	
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	-	161.228.674.005	161.228.674.005	
Chia cổ tức năm trước trong năm nay	-	-	-	-	(170.489.626.200)	(170.489.626.200)	
Số dư cuối năm nay	470.000.000.000	21.270.787.461	(3.872.124.000)	68.460.712.237	120.220.469.132	676.079.844.830	

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

19b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	230.300.000.000	230.300.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Sản xuất Hoàng Gia Phát	-	45.000.000.000
Công ty TNHH Đầu tư KSB	45.000.000.000	-
Các cổ đông khác	194.700.000.000	194.700.000.000
Cộng	470.000.000.000	470.000.000.000

19c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	47.000.000	47.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	47.000.000	47.000.000
• Cổ phiếu phổ thông	47.000.000	47.000.000
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(226.440)	(201.040)
• Cổ phiếu phổ thông	(226.440)	(201.040)
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	46.773.560	46.798.960
• Cổ phiếu phổ thông	46.773.560	46.798.960
• Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

19d. Phân phối lợi nhuận

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 Công ty đã quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2020	: 18.183.785.884
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2020	: 18.183.785.884
• Thương Ban điều hành 2020	: 2.727.567.883
• Chia cổ tức năm 2020	: 170.489.626.200

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 số 01/2021/ĐHĐCĐ ngày 16 tháng 6 năm 2021 Công ty đã quyết định phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2021 như sau:

	VND
• Trích quỹ đầu tư phát triển năm 2021	: 16.122.867.401
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi năm 2021	: 22.572.014.361
• Thương Ban điều hành 2021	: 2.418.430.110

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

20. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán**20a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	39.552.419.647	30.156.425.117
Trên 1 năm đến 5 năm	138.270.144.801	86.021.218.836
Trên 5 năm	303.276.284.283	183.293.996.887
Cộng	481.098.848.731	299.471.640.840

Công ty thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động. Các hợp đồng thuê có hiệu lực trong khoảng từ năm 2015 đến năm 2047 và có khả năng được gia hạn thêm.

20b. Nợ khó đòi đã xử lý

Khoản nợ phải thu tiền hàng một số khách hàng với số tiền 5.965.381.142 VND đã được xóa sổ do không có khả năng thu hồi (số đầu năm là 5.975.381.142 VND).

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán đất, đá	653.385.295.675	705.801.280.888
Doanh thu xây dựng	15.023.657.273	53.061.706.934
Doanh thu bán hàng hóa	230.026.911.498	307.522.839.097
Doanh thu khác	43.516.111.491	43.771.418.420
Cộng	941.951.975.937	1.110.157.245.339

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong năm cho Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai là 0 VND (năm trước là 758.730.909 VND).

2. Giá vốn hàng bán

	Năm nay	Năm trước
Giá vốn đất, đá xuất bán	451.828.973.943	481.115.154.739
Giá vốn hoạt động xây dựng	13.833.671.113	48.327.176.551
Giá vốn hàng hóa xuất bán	189.228.687.745	246.033.037.195
Giá vốn khác	41.989.577.090	42.253.967.685
Cộng	696.880.909.891	817.729.336.170

3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi ngân hàng	14.357.530.633	15.417.587.215
Lãi tiền ký quỹ bảo vệ môi trường	385.765.000	373.557.000
Cộng	14.743.295.633	15.791.144.215

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Chi phí bán hàng

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	5.888.977.533	7.651.737.725
Chi phí vật liệu, bao bì, công cụ, đồ dùng	843.455.989	1.233.329.509
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.438.890.840	1.438.890.840
Chi phí vận chuyển, gia công	2.064.807.666	1.683.663.849
Các chi phí khác	8.290.628.653	11.798.136.920
Cộng	18.526.760.681	23.805.758.843

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	27.258.466.111	32.964.171.277
Chi phí vật liệu quản lý, đồ dùng văn phòng	986.261.668	1.053.734.836
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.390.366.320	1.576.872.680
Chi phí sửa chữa thiết bị	12.273.606.126	14.188.950.592
Các chi phí khác	8.470.602.330	8.219.767.174
Cộng	50.379.302.555	58.003.496.559

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	1.017.508.956	-
Thu nhập từ bán vật tư	418.181.818	21.599.207
Thu nhập từ bán phế liệu	684.052.712	368.669.404
Thừa kiểm kê	540.250.979	580.024.868
Thu nhập từ giảm tiền thuê đất ⁽¹⁾	9.318.628.421	-
Thu nhập khác	107.464.667	146.935.420
Cộng	12.086.087.553	1.117.228.899

⁽¹⁾ Khoản thu nhập từ việc được giảm tiền thuê đất dựa vào Quyết định số 27/2021/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 25 tháng 09 năm 2021 về việc giảm tiền thuê đất năm 2021 đối với các đối tượng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19.**7. Chi phí khác**

	Năm nay	Năm trước
Thanh lý vật tư, vật liệu	416.066.593	21.599.207
Chi phí thẩm định giá, bán đấu giá tài sản cố định	34.762.388	34.977.273
Chi phí khác	848.143.893	23.107.032
Cộng	1.298.972.874	79.683.512

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

8. Lãi trên cổ phiếu**8a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	161.228.674.005	181.837.858.839
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(22.572.014.361)	(18.183.785.884)
Trích quỹ thưởng ban điều hành	(2.418.430.110)	(2.727.567.883)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	136.238.229.534	160.926.505.072
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	46.782.328	46.813.325
Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	2.912	3.438

8b. Thông tin khác

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

9. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	152.218.521.121	217.373.894.797
Chi phí nhân công	113.409.691.928	127.355.577.960
Chi phí khấu hao tài sản cố định	25.856.502.614	28.933.364.432
Chi phí dịch vụ mua ngoài	173.664.875.179	228.945.893.900
Chi phí khác	245.631.733.628	262.678.387.099
Cộng	710.781.324.470	865.287.118.188

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cũng như các giao dịch khác với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

	Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Năm nay			
Ông Huỳnh Xuân Đạo - Chủ tịch Hội đồng quản trị	971.818.182	94.182.000	1.066.000.182
Ông Huỳnh Kim Vũ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc	1.060.909.091	73.818.000	1.134.727.091
Ông Nguyễn Quốc Phòng - Thành viên Hội đồng quản trị		168.000.000	168.000.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị		168.000.000	168.000.000
Ông Phạm Quốc Thái - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng	840.000.000	168.000.000	1.008.000.000
Ông Huỳnh Đường Tài - Trưởng Ban Kiểm soát	600.000.000		600.000.000
Bà Huỳnh Huy Anh Thư - Kiểm soát viên		57.750.000	57.750.000
Bà Nguyễn Thị Thu Trà - Kiểm soát viên		126.000.000	126.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Trúc - Kiểm soát viên		68.250.000	68.250.000
Ông Nguyễn Hùng Thắng - Người phụ trách thư ký Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc	907.272.727	36.000.000	943.272.727
Ông Nguyễn Xuân Việt - Phó Giám đốc	840.000.000		840.000.000
Cộng	5.220.000.000	960.000.000	6.180.000.000

Năm trước

Ông Nguyễn Văn Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	87.600.000	87.600.000
Ông Huỳnh Kim Vũ - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc	888.000.000	73.200.000	961.200.000
Ông Hứa Hồ Diệp - Phó Giám đốc Công ty	61.000.000	-	61.000.000
Ông Nguyễn Xuân Việt - Phó Giám đốc Công ty	732.000.000	-	732.000.000
Ông Nguyễn Quốc Phòng - Thành viên Hội đồng quản trị	-	146.400.000	146.400.000
Ông Nguyễn Thanh Tùng - Thành viên Hội đồng quản trị	-	146.400.000	146.400.000
Ông Phạm Quốc Thái - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Kế toán trưởng Công ty	732.000.000	146.400.000	878.400.000
Ông Huỳnh Đường Tài - Trưởng Ban kiểm soát	540.000.000	-	540.000.000
Bà Huỳnh Huy Anh Thư - Kiểm soát viên	-	109.800.000	109.800.000
Bà Nguyễn Thị Thu Trà - Kiểm soát viên	-	109.800.000	109.800.000
Ông Nguyễn Hùng Thắng - Thư ký Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc	798.260.870	19.500.000	817.760.870
Ông Huỳnh Xuân Đạo - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Phó Giám đốc	336.826.087	73.200.000	410.026.087
Cộng	4.088.086.957	912.300.000	5.000.386.957

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác với Công ty chỉ có Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai là Công ty chiếm 49% vốn cổ phần trong Công ty.

Giao dịch với các bên liên quan khác

Ngoài giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh với Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai đã được trình bày ở thuyết minh số VI.1b, Công ty còn phát sinh giao dịch trả cổ tức cho Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai với số tiền là 83.944.350.000 VND (năm trước là 46.060.000.000 VND).

Giá hàng hóa cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thị trường.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai được trình bày tại thuyết minh số V.3.

Khoản công nợ phải thu Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho nợ phải thu Tổng công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai.

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu khai thác đá vật liệu xây dựng (chiếm trên 93,79% tổng doanh thu), doanh thu hoạt động xây dựng công trình đường N23 là không thường xuyên (chiếm 1,59%) và toàn bộ sản phẩm được tiêu thụ tại Việt Nam.

3. Quản lý rủi ro tài chính

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập.

3a. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng và tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VII.4 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Tất cả các tài sản tài chính của Công ty đều trong hạn và không bị giảm giá trị.

3b. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Ban Giám đốc quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phát sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng là từ 1 năm trở xuống.

Ban Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HÒA

Địa chỉ: K4/79C Nguyễn Tri Phương, Khu phố 3, phường Bửu Hòa, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

3c. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty chỉ có rủi ro giá nguyên vật liệu.

Công ty quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Công ty chưa sử dụng các công cụ phái sinh đảm bảo để phòng ngừa các rủi ro về giá nguyên vật liệu.

3d. Tài sản đảm bảo

Công ty không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhận tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020.

4. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính*Tài sản tài chính*

Giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Tiền và các khoản tương đương tiền	376.351.994.905	-	321.457.500.938	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	50.000.000.000	-	120.000.000.000	-
Phải thu khách hàng	29.344.424.231	-	19.850.403.466	-
Các khoản phải thu khác	34.032.392.853	-	33.583.889.635	-
Cộng	489.728.811.989	-	494.891.794.039	-

Nợ phải trả tài chính

Giá trị ghi sổ của nợ phải trả tài chính như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả người bán	24.871.886.673	22.951.374.083
Các khoản phải trả khác	3.192.008.790	7.610.077.090
Cộng	28.063.895.463	30.561.451.173

Giá trị hợp lý


Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính do Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009 của Bộ Tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể.

5. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày năm tài chính kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Biên Hòa, ngày 19 tháng 01 năm 2022

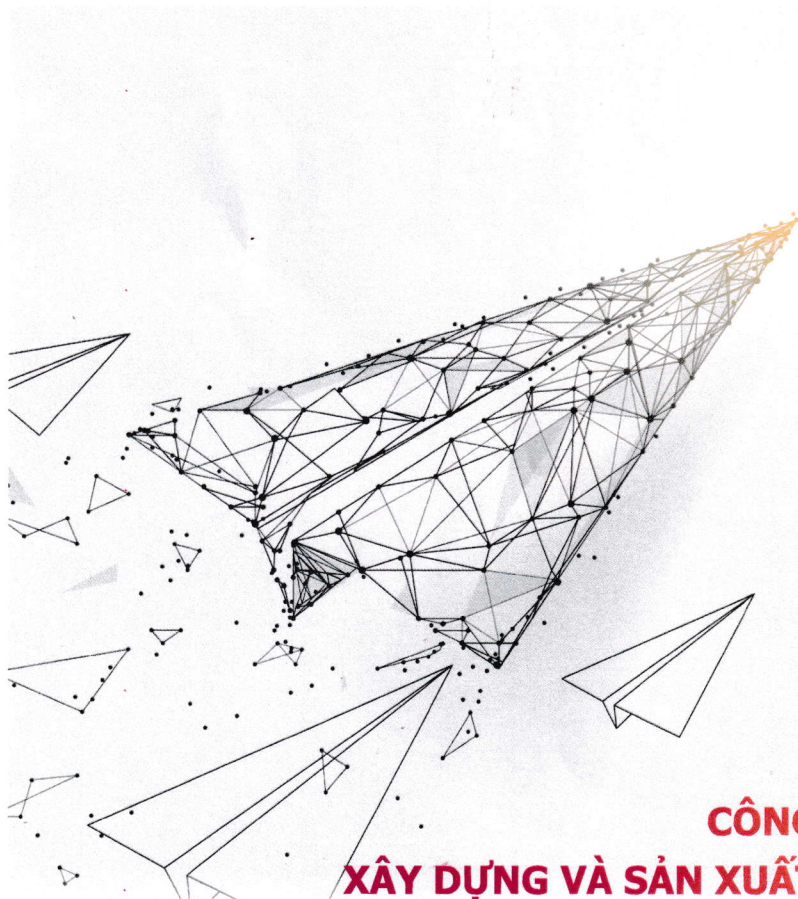

Nguyễn Ngọc Mai Phương
Người lập


Phạm Quốc Thái
Kế toán trưởng


Huỳnh Kim Vũ
Giám đốc

BÁO CÁO 2021 THƯỜNG NIÊN

Đồng Nai, Ngày 18 tháng 04 năm 2022



**CÔNG TY CỔ PHẦN
XÂY DỰNG VÀ SẢN XUẤT VẬT LIỆU XÂY DỰNG BIÊN HOÀ**

NGƯỜI ĐẠI DIỆN PHÁP LUẬT



Huỳnh Xuân Đạo